

ĐỀ ÔN THI BÁM SÁT MINH HỌA ĐỀ 01 (Đề thi có 04 trang)	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề
---	--

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Bạn có thể nghĩ về tư duy phản biện như là một bộ chiến lược để dẫn đường giúp bạn tránh xa khỏi các quyết định thiên vị, cảm tính và hướng đến sự cân nhắc lí trí cho những hành động và đức tin của mình. Điều này sẽ giúp chúng ta trở thành những người có suy nghĩ độc lập, có thể tự đưa ra lựa chọn một cách thấu đáo. Những kĩ năng mà một người có tư duy phản biện cần phát triển bao gồm việc hiểu được những lô gích đằng sau những ý niệm và học thuyết, có thể phân tích và công thức hóa những lập luận, có thể xây dựng những giải pháp từng bước, xác định tính hợp lệ của những ý tưởng và có thể xem xét những lí do đằng sau đức tin của chính bạn. Bạn có thể đã nhận ra rằng tư duy phản biện không có nghĩa là chỉ biết nhiều kiến thức. Đó là một quá trình rất khác so với việc chỉ ghi nhớ hay tiếp nhận thông tin; giỏi ghi nhớ không khiến bạn trở thành một người có tư duy phản biện tốt! Những người có tư duy phản biện tập trung vào “cách” họ biết hơn là cái họ biết. Điều này có nghĩa là họ có thể “sử dụng” thứ họ biết để dự đoán hậu quả của chuỗi hành động, giải quyết các vấn đề và quyết định sẽ dùng thông tin nào khi họ muốn học một thứ mới.

(Albert Rutherford, Rèn luyện tư duy phản biện,
NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2021, tr. 4 – 5)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn trích trên bàn luận về vấn đề gì?

Câu 2. Nhan đề Rèn luyện tư duy phản biện có ý nghĩa gì?

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của sự kết hợp thao tác bình luận và giải thích được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 4. Bạn có thể đã nhận ra rằng tư duy phản biện nói chung và cách trình bày nói riêng không có nghĩa là chỉ biết nhiều kiến thức. Câu văn trên đây mắc phải lỗi nào? Vì sao?

Câu 5. Tác giả viết: “Những người có tư duy phản biện tập trung vào cách họ biết hơn là cái họ biết”. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: Tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện.

Câu 2. (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn nhật kí sau đây:

Đoạn trích 1:

3.7.1968

Tháng Bảy lại về với những cơn gió nam xào xạc thổi rung cây, từng buổi sớm mai dịu mát và từng đêm trăng êm ả giữa rừng. Trong cái nắng chói chang cháy bỏng, tháng Bảy năm nay vẫn nặng trĩu đau thương căm thù. Từ những năm xa xôi, mình đã biết tháng Bảy với những ngày 20, ngày Hội nghị Hiệp thương . Nhưng nhận thức cho đầy đủ về ngày đó, về cả một quá trình cách mạng vĩ đại trên mảnh đất Việt Nam ngàn lần anh hùng này thì hình như mới độ sáu năm nay. Đó là một mùa hè ở Hà Nội, khi đêm tháng Bảy êm dịu ôm trùm lấy không gian, trên con đường vắng mình từ giã người chiến sĩ giải phóng quân, tiễn anh lên đường đi vào cuộc kháng chiến thần thánh. Từ đó đến nay, mình đã lớn thêm mỗi khi tháng Bảy lại về.

Giờ đây, cũng là một ngày tháng Bảy – giữa núi rừng, mình cùng thương binh chạy càn. Chạy càn ở tư thế chiến thắng, chỉ có những người Việt Nam chúng ta mới thấy được khi thể chiến thắng dù địch đang đuổi theo sau lưng, dù vai nặng trĩu ba lô, dù chân đạp rừng băng suối đi lánh địch.

Bỗng nhớ đến câu thơ của Tố Hữu:

“Khắp nơi đâu trên Trái Đất này
Nnhư miền Nam đắng cay chung thuy
Nnhư miền Nam gan góc dạn dày.”

(Đăng Thuý Trâm, Nhật kí Đặng Thuý Trâm,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2009, tr. 51 – 52)

Đoạn trích 2:

15.4.1972

Những ngày mà mình nhớ rất nhiều đến các bạn cùng lớp cùng học với mình, cùng trường. Có người đi bộ đội đã hi sinh, có người còn ở tiền tuyến, có người ở nhà và có người đi học nước ngoài. Mỗi người một công việc quan trọng do đất nước phân công. Mình rất tin rằng mỗi người bạn ấy sẽ có lúc nhớ lại những mái trường các bạn đã đi qua, sẽ nhớ những kỉ niệm chẳng bao giờ có thể phai nhòa và những ước muốn xôn xao khi cửa đời rộng mở – Có thể mượn ý Tố Hữu mà nói ở đây: “Ta chính là hôm nay và các bạn chính là mãi mãi.”. Nhưng làm sao có thể có tương lai đẹp đẽ khi không có những người hôm nay đang cầm súng, đang gian khổ đánh giặc. Riêng mình, hình như đây là một phần thưởng. Đi bộ đội, với mình không chỉ là đánh giặc. Được sống những ngày oanh liệt và vẻ vang nhất của đất nước, khi mà dân tộc ta đang thắng lớn và bước nhanh đến ngày thắng lợi hoàn toàn, mình phải viết. Phải viết với tất cả năng lực của mình có được. Phải viết với sự say mê, cố gắng hết sức của bản thân. Viết với bao nhiêu gửi gắm và tin tưởng của bạn bè đối với mình.

(Nguyễn Văn Thạc, Mãi mãi tuổi hai mươi,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 2005, tr. 148)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đoạn trích trên bàn luận về vấn đề tư duy phản biện.	0,5
	2	Nhan đề hé mở ý nghĩa và tầm quan trọng của tư duy phản biện mà mỗi người cần rèn luyện.	0,5
	3	Sự kết hợp thao tác bình luận và giải thích giúp lí giải rõ ràng và thuyết phục về vai trò quan trọng của tư duy phản biện.	1,0
	4	– Câu văn mắc lỗi lô gích. – Vì tư duy phản biện và hình thức trình bày không thuộc cùng một lĩnh vực, hoạt động nên không thể đưa vào cách diễn đạt nói chung và nói riêng trong một câu được.	1,0
	5	HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả nhưng cần lí giải thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Gợi ý: – Đồng tình: tập trung vào cách chú ý đến phương pháp, dùng nó để vận dụng vào nhiều bối cảnh mới; còn tập trung vào cái là chỉ nhớ nội dung, ghi nhớ,...	1,0

		– Không đồng tình: cần tập trung cải cách và cải, cách thức và nhớ nhiều, biết nhiều cũng hỗ trợ cho nhau để có tư duy phản biện,...	
II		VIẾT	6,0
1		Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phát triển ý chính sau: Tuổi trẻ phải cần rèn luyện tư duy phản biện.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Giới thiệu về tuổi trẻ và sự cần thiết phải rèn luyện tư duy phản biện. * Thân đoạn: - Người có tư duy phản biện là người như thế nào? (Người biết đặt câu hỏi, phát hiện vấn đề, đưa ra lập luận để phân tích, đánh giá vấn đề một cách khách quan,...) - Tư duy phản biện có vai trò quan trọng như thế nào? (Giúp con người có kiến thức, sự tự tin, nhận thức đúng đắn, dám nghĩ, dám làm; không ý lại, nói theo; có suy nghĩ độc lập và sáng tạo,...) * Vì sao tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện? (Tuổi trẻ là tương lai của đất nước, sức mạnh của dân tộc,... Tuổi trẻ cần có tư duy phản biện để khắc phục những hạn chế của người đi trước, khám phá cái mới, vượt qua cái cũ, cái lạc hậu để đất nước ngày một phát triển,...); phê phán lối sống ý lại, chỉ biết làm theo, nói theo, thiếu sáng tạo. - Kết đoạn: Khẳng định lại sự cần thiết phải rèn luyện tư duy phản biện đối với tuổi trẻ.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn nhật kí.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn nhật kí	0,5

	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Giới thiệu khái quát về ý nghĩa của hai đoạn trích nhật kí là ghi chép cá nhân nhưng cho thể hệ sau thấy được cả một thời oanh liệt. * Thân bài: - Nêu đặc trưng thể loại nhật kí. (Nhật kí là thể loại phi hư cấu ghi chép theo thứ tự ngày tháng về những sự kiện của đời sống mà tác giả là người trực tiếp tham gia hay chứng kiến, qua đó bộc lộ suy nghĩ, thái độ và đánh giá của người viết về con người, cuộc đời và chính bản thân mình). - Chỉ ra những điểm giống và khác nhau của hai đoạn trích nhật kí + Điểm giống nhau: . Điều ghi chép xác thực theo ngày tháng về sự kiện và suy nghĩ cụ thể của người viết,... . Điều sử dụng kết hợp thủ pháp miêu tả với trần thuật để ghi lại sự kiện và bộc lộ nỗi nhớ gia đình, bạn bè, quê hương của người viết,... . Cái “tôi” tác giả trong cả hai đoạn trích đều thể hiện suy nghĩ và tình cảm của thanh niên những năm tháng chống Mỹ cứu nước: giàu lí tưởng cách mạng, giàu lòng yêu nước, sẵn sàng hi sinh tuổi trẻ và ước mơ cá nhân vì độc lập, tự do của đất nước,... + Điểm khác nhau chủ yếu là nội dung, cụ thể: . Đoạn trích Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm ghi lại cụ thể một ngày (3.7.1968) nữ bác sĩ cùng thương binh “chạy càn ở tư thế chiến thắng” mà nhớ về Hà Nội, ngày tiễn anh lên đường nhập ngũ và nghĩ về sức mạnh của con người Việt Nam. . Đoạn trích Mãi mãi tuổi hai mươi ghi lại cụ thể một ngày (15.4.1972), anh bộ đội trẻ Nguyễn Văn Thạc nhớ về những kỉ niệm với bạn bè cùng lớp học và xúc động, tự hào khi ý thức mình không chỉ đi đánh giặc mà còn được sống những ngày tháng oanh liệt, vẻ vang của đất nước,... - Đánh giá, bàn bạc mở rộng về hai đoạn trích nhật kí + Những ghi chép chân thực của hai đoạn trích cho người đọc thấu hiểu về những hi sinh, mất mát của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước,... + Những suy nghĩ cụ thể của người viết khiến người đọc vô cùng cảm phục lí tưởng sống, lòng yêu nước, sự hi sinh cao cả của một thế hệ trẻ vì độc lập tự do của đất nước,... + Hai đoạn trích chứa đựng giá trị nhân văn, khiến tuổi trẻ nhận thức được cần phải trân trọng cuộc sống hòa bình hôm nay, cần phải đóng góp cho đất nước những việc làm tích cực,... * Kết bài: Khẳng định lại giá trị của hai đoạn trích nhật kí.	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

	đ. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ ÔN THI BÁM SÁT MINH HỌA ĐỀ 02 (Đề thi có 04 trang)	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề
---	--

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Khi tôi lớn lên, chèo sân đình đã vắng bóng. Các đoàn chèo từ Trung ương đến hàng xã đều diễn chèo trên sân khấu ba mặt (vốn là sản phẩm của kịch phương Tây) và những kịch bản chèo cổ đã được chỉnh lý, biên soạn lại khá công phu dưới ngòi bút của những nhà viết chèo tâm cỡ như Trần Huyền Trân, Lưu Quang Thuận, Bùi Đức Hạnh,... nhưng vẫn còn lưu dấu trong những buổi đội chèo làng luyện tập,... Com tôi xong, tiếng trống vừa nổi lên cùng với điệu “vỡ nước” náo nức, là chúng tôi ủa ra sân hợp tác. Già trẻ, gái trai đã vây kín thành vòng tròn quanh các diễn viên (toàn là người làng cả).

Hội ấy chưa có điện, ánh sáng của những buổi tập ấy chủ yếu là ánh trăng hay đèn “hoa kì” (đèn “măng sông” chỉ hôm diễn chính mới được thắp). Ông chủ nhiệm hợp tác xã chỉnh chệch trên chiếc ghế đầu, chân kẹp trống, tay lăm lăm dùi. Ông ngồi cầm châu, trực tiếp chấm... cộng điểm cho các diễn viên – xã viên của mình. Diễn viên lúc ấy có người mới tấp tễn chạy ra, mặt còn đỏ ửng vì đun mái cho xong nồi cám lợn. Diễn viên tập, còn “đạo diễn”? Ngoài ông đội trống vốn là một trùm hát ngày trước, còn là... toàn thể người xem. [...]

Người hát chèo hay nhất ở quê tôi hồi ấy là chị Thuý (bây giờ, đầu đã teo tóp ở tuổi 55 do gánh gia đình quá nặng, chị hát vẫn rất nền . Chị chuyên đóng vai nữ lệch . Hôm nào đi tập chị cũng đi muộn nhất. Có lần ra đến sân kho, quần còn vo quá gối. [...]

Chị Thuý nghèo lắm. Năm ngoài hai mươi, chị đã ba con. Vợ chồng tấp tễn, lam lũ. Những lúc vất vả quá, chị hay thở dài, bảo tôi:

– Em này, ước gì mà cuộc đời nó cũng như là... chiếu chèo ấy nhỉ?

Tôi chỉ biết ngán ngơ. Vâng! Ước gì... Bao nhiêu là nhân tình thế thái. Bao nhiêu là số phận đã diễn ra trên những chiếu chèo quê tôi... Ở đó, người nghèo khổ được gặp Tiên, gặp Phật. Cô gái mò cua trở thành hoàng hậu, còn chàng trai nghèo dắt mẹ đi ăn mày thì đỗ trạng nguyên. Ở đó ân oán phân minh, nghĩa tình trọn vẹn... [...]

Vùng tôi là quê hương của những “chiếng” chèo Nam. Thời trước, mỗi tỉnh có một hay nhiều “chiếng” chèo riêng: “Chiếng” chèo Đông của Hải Dương, “chiếng” chèo Đoài của Sơn Tây, “chiếng” chèo Bắc của Bắc Ninh. Mỗi “chiếng” có sở trường riêng, có những “ngón nghề” riêng, người sành chèo chỉ cần nhìn qua lối diễn là có thể gọi ngay ra được tên “chiếng”. Diễn viên bình thường chỉ diễn được trong “chiếng” của mình. Những người nhập vào “chiếng” nào cũng diễn được, lại diễn hay, được gọi là “nghệ nhân Từ “Chiếng””. Số nghệ nhân đó thật hiếm hoi. Ở những “chiếng” chèo Nam, cho đến giờ, người ta vẫn kể chuyện về cô đào Đào Sương Nguyệt. Cô nhập vào “chiếng” nào là “chiếng” đó khởi sắc hẳn lên. Đào Nguyệt nổi danh với những vai “nữ chính” Thị Kính, Thị Phuong,... và còn nổi danh với cả vai... Trương Phi trong tuồng Bắc. [...]

Nhưng rồi về sau, chẳng ai biết kết cục của cô đào tài danh ấy ra sao? Vốn là người mê chèo, từ ngày trở thành một nhà báo chuyên nghiệp, tôi đã cố công đi tìm tung tích cô, nhưng tôi đã hoài công... Tên của cô chỉ còn lưu lại trong kí ức của những nghệ nhân dân gian lớp trước...

Chèo, đó chính là đặc trưng cho tính cách tâm hồn của người quê tôi. Những làn điệu, những vai chèo bất chấp mọi biến thiên, thăng trầm của xã hội, vẫn cứ màu mỡ, cứ xanh tươi như đồng đất Thái Bình.

(Vũ Hữu Sự, Một thoáng chèo quê tôi, in trong tập phóng sự Muôn mặt đời thường (Nhiều tác giả), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001, tr. 109 – 116)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Văn bản trên viết về đề tài gì?

Câu 2. Văn bản có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt chủ yếu nào?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của những câu văn miêu tả trong văn bản.

Câu 4. Phân tích tác dụng của yếu tố phi hư cấu trong văn bản trên.

Câu 5. Chi tiết (sự kiện, nhân vật, hình ảnh, câu văn) nào của văn bản để lại ấn tượng đặc biệt đối với anh / chị? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về vấn đề: Tuổi trẻ với việc giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh / Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích về một đặc điểm của thể loại phóng sự được thể hiện trong văn bản đọc hiểu *Một thoáng chèo quê tôi* của Vũ Hữu Sự.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản viết về đề tài nghệ thuật sân khấu truyền thống (chèo) của dân tộc.	0,5
	2	Văn bản có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt chủ yếu: tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,5
	3	– Có thể dẫn ra một số câu văn miêu tả trong văn bản như: + Cơm tối xong, tiếng trống vừa nổi lên cùng với điệu “vỡ nước” nao nức, là chúng tôi ủa ra sân hợp tác. Già trẻ, gái trai đã vây kín thành vòng tròn quanh các diễn viên (toàn là người làng cá). + Ông chủ nhiệm hợp tác xã chỉnh chệch trên chiếc ghế đầu, chân kẹp trống, tay lăm lăm dùi. + Diễn viên lúc ấy có người mới tắt tả chạy ra, mặt còn đỏ lựng vì đun mãi cho xong nồi cám lợn. – Những câu văn trên nhằm khắc họa và tái hiện một cách sống động, hình ảnh về những đêm hát chèo của làng quê trước đây.	1,0
	4	– Những yếu tố phi hư cấu của văn bản là sự việc, con người, địa danh, thời gian, không gian, số liệu,... Ví dụ: những buổi tối tập hát chèo ở làng quê của tỉnh Thái Bình; tên các nhà viết chèo nổi tiếng Trần Huyền Trân, Lưu Quang Thuận, Bùi Đức Hạnh; diễn viên là ông chủ nhiệm hợp tác xã và các xã viên; những chiếng chèo riêng của mỗi vùng quê,...	1,0

		– Tác dụng của những yêu tố phi hư cấu nhằm cung cấp những cứ liệu xác thực cụ thể để có sức thuyết phục và giúp người đọc hình dung đầy đủ về nghệ thuật chèo truyền thống từng phát triển rực rỡ, gắn bó máu thịt với mỗi người dân ở làng quê, nhưng giờ đây chỉ còn “vang bóng một thời”.	
	5	HS tự do bày tỏ về chi tiết mà bản thân thấy ấn tượng nhưng cần lí giải thuyết phục.	1,0
II		VIẾT	6,0
		Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề: Tuổi trẻ với việc giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống.	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề: Tuổi trẻ với việc giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tuổi trẻ với việc giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống.	0,25
	1	c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Giới thiệu khái quát về sự cần thiết giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống. * Thân đoạn: - Văn hóa truyền thống là những gì? (Văn hóa là những giá trị vật chất và tinh thần còn lại sau thời gian, được cộng đồng xã hội tự nguyện lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đó là di sản được hình thành từ cội nguồn lịch sử, tích lũy và góp phần làm nên bản sắc riêng của dân tộc như văn học, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật,..., văn hóa truyền thống là nền tảng và động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội hiện đại). - Vai trò quan trọng của văn hóa truyền thống đối với tuổi trẻ + Chú ý đến văn hóa truyền thống là chú ý giáo dục con người nhớ về nguồn cội, không quên cha ông, “uống nước nhớ nguồn”,... là những điều cần giáo dục cho thế hệ trẻ. + Trước những tiến bộ của khoa học, công nghệ và yêu cầu hội nhập quốc tế, giới trẻ rất dễ lãng quên văn hóa truyền thống, cũng có nghĩa là quên đi vẻ đẹp đão, bản sắc riêng của dân tộc, quốc gia,... Vì thế, cần giáo dục giới trẻ để giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống. + Văn hóa truyền thống giúp thế hệ trẻ các dân tộc đoàn kết và thấu hiểu lẫn nhau, thấy được vẻ đẹp đão và bản sắc văn hóa riêng của mình. Gắn kết con người với quê hương, nguồn cội,... - Đánh giá, bàn bạc mở rộng vấn đề + Tuổi trẻ cần ý thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân đối với việc giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống,... Phê phán những lối sống đi ngược lại với văn hóa truyền thống. + Mỗi người trẻ cần rèn luyện lối sống, nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa truyền thống, có những hành động thiết thực nhằm bảo lưu, quảng bá, đẩy mạnh sự phát triển những giá trị văn hóa truyền thống,... * Kết đoạn: Khẳng định lại giá trị của văn hoá truyền thống và vai trò,	0,5

		trách nhiệm của tuổi trẻ,...	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận; - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Anh / Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích về một đặc điểm của thể loại phóng sự được thể hiện trong văn bản đọc hiểu <i>Một thoáng chèo quê tôi</i> của Vũ Hữu Sự.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Anh / Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích về một đặc điểm của thể loại phóng sự được thể hiện trong văn bản đọc hiểu <i>Một thoáng chèo quê tôi</i> của Vũ Hữu Sự.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Nêu một đặc điểm nổi bật của thể loại phóng sự trong văn bản (ví dụ: thủ pháp nghệ thuật miêu tả kết hợp với trần thuật). * Thân bài: - Giới thiệu thủ pháp nghệ thuật miêu tả kết hợp với trần thuật trong thể loại phóng sự (sự kết hợp giữa kể và tả khiến sự việc và con người hiện lên cụ thể, sinh động; không chỉ cung cấp thông tin mà còn chứa đựng tư tưởng và có ý nghĩa xã hội sâu sắc,...). - Chỉ ra tác dụng của thủ pháp nghệ thuật miêu tả kết hợp với trần thuật trong văn bản (Tái hiện cụ thể, sinh động về những chiều chèo của làng quê. Giúp người đọc hiểu rõ nghệ thuật chèo từng là món ăn tinh thần, gắn bó máu thịt với người dân lao động thôn quê trước đây,...). * Kết bài: Khẳng định lại vai trò và tác dụng của thủ pháp nghệ thuật miêu tả kết hợp với trần thuật trong thể loại phóng sự.	1,0
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

		<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

ĐỀ ÔN THI BẮM SÁT MINH HỌA ĐỀ 03 (Đề thi có 04 trang)	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề
---	--

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(1) chúng tôi qua cái khắc nghiệt mùa khô
qua mùa mưa mùa mưa dai dẳng
vòng mắc cột tràm đêm ướt sũng
xuống vượt sông dưới pháo sáng nhạt nhòa
đôi lúc ngẩn người một ráng đỏ chiều xa
quên đời mình thêm tuổi
chân dấp lộp đạp mòn trảm ngọn núi
mà không hề rợp bóng xuống tương lai
(2) những trận đánh ập về đầy trí nhớ
pháo chụp nổ ngang trời tung bùng khói
nhịp tim đập dồn lặn xuất kích đầu tiên
bình tông cạn khô trên nóc hầm nồng khét
những vỏ đồ hộp lẫn lóc
cái im lặng ù tại giữa hai đợt bom
một tiếng gà bắt chợt
bên bờ kênh hoang tàn
(3) thế hệ chúng tôi không sống bằng kỉ niệm
không dựa dẫm những hào quang có sẵn
lòng vô tư như gió chướng trong lành
như sắc trời ngày nắng tự nhiên xanh

(Thanh Thảo, Một người lính nói về thế hệ mình, dẫn theo thivien.net)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra những đặc điểm hình thức của đoạn trích trên.

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên là ai?

Câu 3. Nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn (1).

Câu 4. “thế hệ chúng tôi” được nói đến ở đoạn (3) có đặc điểm gì?

Câu 5. Điều tâm đắc nhất mà anh / chị rút ra được về quan điểm sống sau khi đọc đoạn trích trên là gì? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết đoạn bài văn (khoảng 200 chữ) bàn về một cách sống cần có để thể hiện ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với đất nước.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ *Cảnh chiều hôm* (Hồ Chí Minh) để làm sáng tỏ một số đặc điểm của các bài thơ trong tập *Nhật kí trong tù*: chủ yếu viết bằng thể thơ tứ tuyệt Đường luật, câu chữ rất cô đọng, hàm súc; cách viết vừa cổ điển vừa hiện đại; nhiều tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo.

CẢNH CHIỀU HÔM
(Văn cảnh)

Phiên âm:

Mai khô hoa khai hoa hựu tạ,
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình;
Hoa hương thấu nhập lung môn lí,
Hương tại lung nhân tổ bất bình.

Dịch nghĩa:

Hoa hồng nở hoa hồng lại tàn,
Hoa nở hoa tàn đều vô tình;
Hương thơm bay vào thấu trong ngực,
Tối kẻ với người trong ngực nổi bất bình.

Dịch thơ:

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngực,
Kẻ với tù nhân nổi bất bình.

(Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3,
(Nam Trân dịch), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000, tr. 431)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Những đặc điểm hình thức của đoạn trích thơ: – Sử dụng thể thơ tự do (số chữ trong các dòng thơ và cách ngắt nhịp khác nhau, nhiều vần,...). – Các chữ đầu dòng không viết hoa. – Sử dụng nhiều biện pháp tu từ.	0,5
	2	Nhân vật trữ tình: chúng tôi – những người lính.	0,5
	3	Đoạn (1) có các biện pháp tu từ sau: điệp từ (mùa mưa), tương phản (mùa khô – mùa mưa), nói quá (chân dế lép đạp mòn trăm ngọn núi), ẩn dụ (rợp bóng xuống tương lai)... HS nêu đúng giá trị gợi hình, gợi cảm của biện pháp tu từ đã chọn.	1,0
	4	“thế hệ chúng tôi” được nói đến ở đoạn (3) là những người không chìm đắm vào quá khứ mà quên đi hiện tại; không dựa dẫm, ý lại vào những vinh quang mà các thế hệ đi trước đã tạo dựng nên; sống vô tư, hồn nhiên,...	1,0
	5	HS nêu được một điều tâm đắc nhất rút ra được về quan điểm sống sau khi đọc đoạn trích. Nội dung câu trả lời cần tự nhiên, chân thành, có sức thuyết phục; độ dài theo số dòng quy định.	1,0

II		VIẾT	6,0
		Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với đất nước.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với đất nước.	0,25
	1	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Giới thiệu đoạn thơ ở phần Đọc hiểu và nêu một cách sống cần có để thể hiện ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với đất nước. * Thân đoạn: - Nêu cách sống của những người lính trong đoạn thơ (đã cho): không dựa dẫm, không ỷ lại; không chìm đắm vào quá khứ, quên hiện tại; lạc quan, vô tư;.. - Nêu bối cảnh đất nước ngày nay, đặc điểm của đất nước trong thời gian gần đây. Từ đó, nêu và phân tích một cách sống cần có để thể hiện ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với đất nước. Cần làm rõ: biểu hiện và tác dụng của cách sống đó; cho ví dụ minh họa. (HS có thể lựa chọn một trong những cách sống được đề cập đến trong đoạn thơ đã cho và trình bày như trên hoặc đưa ra một cách sống khác theo quan điểm của bản thân.) - Liên hệ bản thân và rút ra bài học + Những biểu hiện của cách sống đó ở bản thân. + Rút ra bài học cho bản thân và những người trẻ tuổi để có được cách sống đó. * Kết đoạn: Khẳng định lại tính đúng đắn hoặc sự cần thiết của cách sống đã nêu.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ <i>Cảnh chiều hôm</i> (Hồ Chí Minh) để làm sáng tỏ một số đặc điểm của các bài thơ trong tập <i>Nhật kí trong tù</i>: chủ yếu viết bằng thể thơ tứ tuyệt Đường luật, câu chữ rất cô đọng, hàm súc; cách viết vừa cổ	4,0

	điển vừa hiện đại; nhiều tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo.	
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích bài thơ Cảnh chiều hôm (Hồ Chí Minh) để làm sáng tỏ một số đặc điểm của các bài thơ trong tập Nhật kí trong tù: chủ yếu viết bằng thể thơ tứ tuyệt Đường luật, câu chữ rất cô đọng, hàm súc; cách viết vừa cổ điển vừa hiện đại; nhiều tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo.	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Khẳng định bài thơ Cảnh chiều hôm mang đầy đủ những nét đặc sắc nghệ thuật của tập Nhật kí trong tù và dẫn ra ý kiến. * Thân bài: - Giải thích ý kiến + Thơ tứ tuyệt Đường luật, cô đọng, hàm súc là gì? + Cách viết vừa cổ điển vừa hiện đại nghĩa là như thế nào? + Tứ thơ độc đáo, hình ảnh gợi cảm, sáng tạo,... ra sao? + Khẳng định ý kiến đã khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật của các bài thơ trong tập Nhật kí trong tù. - Phân tích bài Cảnh chiều hôm để làm sáng tỏ ý kiến + Phân tích làm rõ đặc điểm thể thơ và sự cô đọng, hàm súc được cụ thể hóa trong bài thơ. + Phân tích làm rõ đặc điểm về cách viết (vừa cổ điển, vừa hiện đại) qua bài thơ. + Phân tích làm rõ đặc điểm tứ thơ độc đáo, hình ảnh gợi cảm, sáng tạo. Gợi ý: Ở hai câu thơ đầu, tác giả ghi lại một hiện tượng: hoa hồng nở hay rụng đều không được chú ý; con người vô tình trước việc hoa nở hay tàn. Ở hai câu thơ sau, tác giả nhân hóa hương hoa bay vào trong ngực để kể với người tù về sự bất bình trước thái độ vô tình ấy của con người. Hoa hồng nở hay tàn, hương hoa là những hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng cho cái đẹp – cái đẹp “nở” hay “tàn” thì con người cũng mặc kệ, hờ hững, thờ ơ, vô cảm. Qua đó, tác giả thể hiện sự trân trọng với cái đẹp; phê phán sự vô tình của con người đối với cái đẹp ở đời. * Kết bài: Khẳng định bài thơ Cảnh chiều hôm là bài thơ tiêu biểu cho những đặc điểm nghệ thuật của nhiều bài trong tập Nhật kí trong tù, thể hiện rõ phong cách thơ của tác giả Hồ Chí Minh.	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

	<i>đ. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ ÔN THI BÁM SÁT MINH HỌA ĐỀ 04 (Đề thi có 04 trang)	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề
---	--

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Marie Curie ra đời ngày 7-11-1867 tại Warsaw, Ba Lan. Là con út trong gia đình có năm người con, bà có ba chị gái và một anh trai. Cha mẹ bà – Wladislaw và Bronislava – là những nhà giáo dục tiên phong khi đảm bảo rằng con gái được giáo dục ngang bằng như con trai. Gia đình bà có hoàn cảnh khá khó khăn, cha mẹ bà để lại cho các con chẳng gì ngoài vốn kiến thức và tinh thần học tập.

... Năm 1883, ở tuổi 15, bà hoàn thành chương trình giáo dục trung học, là thủ khoa tốt nghiệp của lớp. Curie và chị gái của bà, Bronya, đều mong muốn theo đuổi con đường học vấn cao hơn, nhưng Đại học Warsaw không chấp nhận phụ nữ.

Để có được nền giáo dục như mong muốn, họ phải rời khỏi đất nước. Năm 17 tuổi, Curie trở thành một nữ gia sư để lo tiền cho chị gái mình theo học tại trường y ở Paris. Bà tiếp tục tự học và cuối cùng lên đường đến Paris vào tháng 11 năm 1891.

Khi Curie vào học tại Đại học Sorbonne danh giá ở Paris, bà được đánh giá là một sinh viên tập trung, siêng năng và luôn đứng đầu lớp. Bằng chứng cho tài năng của mình, bà đã được trao Học bổng Alexandrovitch dành cho sinh viên Ba Lan du học.

Học bổng đã giúp Curie chi trả học phí cho các lớp học cần thiết để hoàn thành song bằng về vật lý và toán học vào năm 1894.

(Theo Marie Curie: Nhà bác học nữ duy nhất giành hai giải Nobel, dẫn theo hoilhpn.org.vn, ngày 3-10-2022)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn trích trên có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt nào?

Câu 2. Xác định hai phương tiện liên kết các câu trong đoạn trích trên.

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 4. Vì sao có thể nói đoạn trích liên quan và có ý nghĩa trong việc giáo dục giới?

Câu 5. Qua đoạn trích, anh/ chị rút ra được bài học hoặc thông điệp sâu sắc nào cho bản thân?

Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của anh / chị về một giải pháp để giúp phụ nữ phát huy được thế mạnh của mình trong đời sống hôm nay.

Câu 2. (4,0 điểm)

Một nghiên cứu gần đây về thế hệ Trẻ Việt Nam đã chỉ ra rằng: Người Việt trẻ – ít nhất là những người sống ở thành thị – cho thấy sự chuộng các giá trị cá nhân, trái ngược với các giá trị tập thể. Khi được hỏi, họ cho biết những mối quan hệ cộng đồng lỏng lẻo như quan hệ hàng xóm chẳng

hạn đã suy yếu kể từ thế hệ cha mẹ họ... Cùng với sự phổ biến của những loại hình giải trí ảo và các thiết bị di động, giới trẻ cảm thấy những giao lưu trực tiếp đã giảm dần.

(Hội đồng Anh, *Báo cáo nghiên cứu thế hệ Trẻ Việt Nam*,
dẫn theo britishcouncil.vn)

Anh / Chị suy nghĩ gì về nhận định trên? Hãy viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày những phân tích, bình luận của bản thân về vấn đề mà nghiên cứu trên đã nêu.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức thuyết minh kết hợp với tự sự.	0,5
	2	Phép lặp từ ngữ, phép thay thế từ ngữ.	0,5
	3	Đoạn trích giới thiệu về Marie Curie: hoàn cảnh gia đình và quá trình học tập từ trung học cho đến khi tốt nghiệp đại học của bà.	1,0
	4	Văn bản liên quan và có ý nghĩa giáo dục giới tính vì có những nội dung như: – Nêu ra hiện trạng bất bình đẳng: Đại học Warsaw không chấp nhận phụ nữ. – Ca ngợi, đề cao nghị lực và tài năng của phụ nữ: Curie và chị gái của bà.	1,0
	5	HS tự làm. Nội dung câu trả lời phải hợp lí, có sức thuyết phục. Độ dài câu trả lời theo số dòng quy định. Gợi ý: – Ở bất kì hoàn cảnh nào, nếu có ý chí và nghị lực, con người đều có thể vươn lên để đạt được mục đích của mình trong cuộc sống... – Marie Curie là một tấm gương sáng cho tất cả thế hệ trẻ, nhất là những người phụ nữ, không chỉ thời trước mà ngay cả hiện nay.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề cần làm gì để giúp phụ nữ phát huy được thế mạnh của mình trong đời sống hiện nay.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cần làm gì để giúp phụ nữ phát huy được thế mạnh của mình trong đời sống hiện nay.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Giới thiệu đoạn trích ở phần Đọc hiểu và nêu vấn đề cần làm gì để giúp phụ nữ phát huy được thế mạnh của mình trong đời sống hiện nay. * Thân đoạn: - Nêu cách Marie Curie vượt qua những rào cản để đạt được mong ước của mình b.2. Nêu khái quát đặc điểm của đời sống đương đại; vai trò,	0,5

		vị trí của người phụ nữ và cả những khó khăn, thách thức mà họ phải đương đầu trong đời sống hiện nay. Từ đó, nêu và phân tích một giải pháp để giúp phụ nữ phát huy được thế mạnh của mình trong đời sống hiện nay. Cần nêu giải pháp gần gũi với thực tế đời sống, có tính khả thi; làm rõ các biểu hiện và tác dụng của giải pháp đó; cho ví dụ minh hoạ. - Liên hệ bản thân và rút ra bài học + Quan điểm, nhận thức của bản thân về vai trò, vị trí của người phụ nữ trong đời sống hiện nay; những việc mà bản thân thường làm mang lại những điều tốt đẹp cho người phụ nữ. + Rút ra bài học cho bản thân và những người xung quanh trong việc giúp người phụ nữ phát huy được thế mạnh của mình. * Kết đoạn: Khẳng định lại sự cần thiết phải giúp người phụ nữ phát huy được thế mạnh của mình trong đời sống hiện nay.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Hãy viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày những phân tích, bình luận của bản thân về vấn đề mà nghiên cứu: <i>Báo cáo nghiên cứu thể hệ trẻ Việt Nam.</i>	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích, bình luận của bản thân về vấn đề mà nghiên cứu: <i>Báo cáo nghiên cứu thể hệ trẻ Việt Nam.</i>	0,5
	2	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Dẫn dắt và nêu nhận định cần bàn luận. * Thân bài: - Thế nào là giá trị cá nhân, giá trị tập thể? + Giá trị cá nhân là những giá trị (lợi ích, thị hiếu,...) gắn với mỗi con người cụ thể, xuất phát từ tích cách, nhu cầu, sở thích, quan niệm sống, hiểu biết,... của từng người trong từng giai đoạn, hoàn cảnh sống cụ thể. + Giá trị tập thể là những giá trị (lợi ích, thị hiếu,...) gắn với nhiều người, tổ chức, đơn vị, thậm chí là cộng đồng, xã hội. Nó phản ánh những nhận thức, quan niệm, quy ước, đạo đức, thị hiếu,... chung của	1,0

	một nhóm, bộ phận, cộng đồng người trong xã hội. - Vì sao nói: Người Việt trẻ – ít nhất là những người sống ở thành thị – cho thấy sự chuộng các giá trị cá nhân, trái ngược với các giá trị tập thể? + Vì thực tế cho thấy một bộ phận các bạn trẻ ở thành thị đặt những giá trị cá nhân trên giá trị tập thể hoặc coi trọng giá trị cá nhân mà coi thường các giá trị tập thể (Ví dụ: họ thay đổi ngôn ngữ theo hướng dễ thường để thỏa mãn thú vui, để “theo trend”, để tỏ ra mình không lạc hậu, lạc điệu mà bất chấp việc làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt). + Có những người trẻ, do chạy theo lối sống hưởng thụ, vật chất, coi vật chất là giá trị lớn nhất nên đã chà đạp, đi ngược lại những giá trị tốt đẹp của cộng đồng (Chẳng hạn: vì tranh giành tài sản mà bất hiếu, bất nghĩa với người thân; vì lợi ích vật chất mà hãm hại bạn bè, đồng nghiệp, thậm chí giết người,...). - Có đúng là những mối quan hệ cộng đồng lỏng lẻo như quan hệ hàng xóm chẳng hạn đã suy yếu kể từ thế hệ cha mẹ họ... Cùng với sự phổ biến của những loại hình giải trí ảo và các thiết bị di động, giới trẻ cảm thấy những giao lưu trực tiếp đã giảm dần? + Đúng vậy, quan hệ hàng xóm, nhất là ở các đô thị trong những thập kỉ gần đây đã không còn chặt chẽ do công việc bận rộn, mưu sinh,... + Những loại hình giải trí ảo và các thiết bị di động đã khiến cho người trẻ sống ảo nhiều hơn, dần sâu trong thế giới ảo ngay cả khi đang ở bên cạnh nhau. - Bình luận + Cần phân biệt việc chuộng các giá trị cá nhân với việc cần bảo lưu những sở trường, sở thích, thị hiếu,... cá nhân vì đó là yếu tố tạo nên bản sắc của mỗi người. + Những giá trị cá nhân cần được tôn trọng nhưng cũng phải hài hòa với các giá trị tập thể. + Những giá trị tập thể cũng phải có những thay đổi nhất định để theo kịp những yêu cầu của cuộc sống mới, thời đại mới. + Cũng có những bạn trẻ sống ở thành thị vẫn giữ được các giá trị tập thể, nhất là giá trị truyền thống của gia đình, dòng họ,... bên cạnh việc duy trì các giá trị cá nhân. * Kết bài: - Nhận định trên có nhiều điểm đúng đắn, phản ánh khá chính xác những biểu hiện của người Việt trẻ, nhất là một bộ phận sống ở đô thị. - Nhận định là hồi chuông cảnh tỉnh xã hội, những người làm công tác giáo dục và các bạn trẻ phải có những giải pháp để dung hòa các giá trị nói trên, vừa góp phần kiến tạo những cộng đồng văn minh, vừa bảo lưu được bản sắc cá nhân.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu,	1,5

	phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	đ. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ ÔN THI BẮM SÁT MINH HỌA ĐỀ 05 (Đề thi có 04 trang)	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề
---	--

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Theo Báo cáo “Giám sát rác thải điện tử toàn cầu năm 2020” do Liên hợp quốc công bố, toàn thế giới có tổng cộng 53,6 triệu tấn rác thải điện tử (năm 2019), tăng 21% so với 5 năm trước đó và tính theo bình quân đầu người trung bình là 7,3 kg/người. Trong đó, châu Á là nơi tạo ra nhiều rác thải điện tử nhất, với khoảng 24,9 triệu tấn, tiếp đến là châu Mỹ (13,1 triệu tấn), châu Âu (12 triệu tấn), châu Phi (2,9 triệu tấn) và châu Đại Dương là 0,7 triệu tấn (Thống kê của GESP – Hiệp hội thống kê chất thải điện tử toàn cầu). Các quốc gia đứng đầu về lượng rác thải điện tử là Trung Quốc (10,1 triệu tấn), Mỹ (6,9 triệu tấn), Ấn Độ (3,2 triệu tấn), chiếm gần 38% lượng rác thải điện tử của cả thế giới. Mặc dù vậy, ước tính của GESP cho thấy chỉ 17,4% lượng rác thải trên được thu gom, vận chuyển đến các cơ sở quản lí hoặc tái chế chính thức; phần còn lại chuyển đến một số quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Điều đáng nói là trong rác thải điện tử có chứa hơn 1 000 hợp chất khác nhau (Thống kê của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP)), trong đó, nhiều chất độc hại với các thành phần chủ yếu là kim loại nặng, kim loại quý, bao gồm chì, thủy ngân, niken, chất chống cháy brom hoá, hydrocacbon thơm đa vòng (PAH),... khi bị phát tán ra môi trường thường khó nhận biết, dễ gây tâm lí chủ quan cho người tiếp xúc, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người. Ước tính, mỗi năm có tới 50 tấn thủy ngân đi theo các thiết bị điện tử hỏng như màn hình ti vi, bóng đèn tiết kiệm năng lượng,... ra bãi rác, trong khi thủy ngân là chất độc, có thể làm tổn thương não và suy yếu sự phát triển nhận thức của trẻ em. Ngoài ra, hàng trăm triệu tấn CO₂ từ các thiết bị tủ lạnh, máy lạnh bỏ đi, chiếm khoảng 0,3% lượng khí thải nhà kính trên toàn cầu, là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí. Thông dụng nhất như một chiếc điện thoại iphone cũng sử dụng tới 17 chất hóa học, trong đó có nhiều chất hiếm như neodimium, europium, xeri,... nếu ở liều lượng lớn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của những người lao động phi chính thức làm việc trong lĩnh vực tái chế chất thải điện tử, bao gồm cả phụ nữ mang thai, trẻ em, thanh, thiếu niên.

(Trương Thị Huyền, Rác thải điện tử – Mối nguy hại trên toàn cầu và một số giải pháp xử lí, dẫn theo congnghepmoitruong.vn, ngày 11-8-2023)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định mục đích của văn bản trên.

Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 3. Biện pháp tu từ nào giúp tác giả làm nổi bật nội dung văn bản? Vì sao?

Câu 4. Đoạn trích trên sử dụng dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Tác dụng của việc sử dụng dữ liệu đó?

Câu 5. Từ đoạn trích, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, anh/ chị hãy cho biết: Hạn chế sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại có phải cách tốt nhất để bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm của rác thải điện tử không? Vì sao? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về một giải pháp mà anh/ chị cho là hợp lý để hạn chế rác thải điện tử ở địa phương mình.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ sau:

ĐÀN BẦU

Lắng tai nghe đàn bầu
Ngân dài trong đêm thâu
Tiếng đàn như suối ngọt
Cứ đưa hồn lên cao.
Tiếng đàn bầu của ta
Lời đầm thắm thiết tha
Cung thanh là tiếng mẹ
Cung trầm như giọng cha
Đàn ngày xưa nào ruột
Có người hát xẩm mù
Ôm đàn đi trong mưa...
Mưa hòa cùng nước mắt
Đưa hồn ta lên cao
Đàn bầu làm suối ngọt
Tình yêu quê dâng trào
Thay cho dòng nước mắt.

1956

(Lữ Giang, dẫn theo thivien.net)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Mục đích của văn bản là cung cấp cho người đọc những thông tin và cảnh báo về mối nguy hại của rác thải đối với đời sống con người.	0,5
	2	Thực trạng rác thải điện tử trên thế giới và tác động của rác thải điện tử đối với sức khỏe của con người.	0,5
	3	Để làm nổi bật nội dung văn bản, tác giả đã sử dụng biện pháp liệt kê. Các phép liệt kê nhằm nhấn mạnh ý, chứng minh cho nhận định của tác giả; tạo ấn tượng và mang lại sức thuyết phục với người đọc.	1,0

	4	– Đoạn trích sử dụng cả hai nguồn dữ liệu: sơ cấp và thứ cấp. – Tác dụng: cung cấp thông tin một cách chính xác, khách quan, làm tăng thêm tính khoa học và sức thuyết phục cho đoạn trích.	1,0
	5	HS trả lời theo quan điểm riêng. Câu trả lời cần chặt chẽ, có sức thuyết phục. Độ dài câu trả lời theo số dòng quy định.	1,0
II		VIẾT	6,0
		Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về một giải pháp mà anh/ chị cho là hợp lí để hạn chế rác thải điện tử ở địa phương mình.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Bàn về một giải pháp mà anh/ chị cho là hợp lí để hạn chế rác thải điện tử ở địa phương mình.	0,25
	1	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Giới thiệu đoạn trích ở phần Đọc hiểu và nêu vấn đề cần có giải pháp hợp lí để hạn chế rác thải điện tử. * Thân đoạn: - Nêu khái quát về rác thải điện tử và tác hại của nó (theo đoạn trích đã cho ở phần Đọc hiểu). - Bàn luận về một giải pháp được cho là hợp lí để hạn chế rác thải điện tử ở địa phương mình đang sinh sống (ví dụ: tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tác hại của rác thải điện tử tới sức khỏe, nhất là ở trẻ em; cần thu gom, tái chế rác thải điện tử đúng cách; tạo điều kiện tái sử dụng vật liệu; khuyến khích sản xuất thiết bị điện, điện tử bền vững hơn;...). Cần làm rõ biểu hiện và tác dụng của giải pháp đó; cho ví dụ minh họa. - Rút ra bài học cho bản thân và những người xung quanh trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ một cách hợp lí, hiệu quả, bảo vệ được sức khỏe của con người và môi trường. * Kết đoạn: Khẳng định lại tác dụng của giải pháp đã nêu và kêu gọi mọi người cần áp dụng giải pháp đó.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i>	0,25

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
2		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ <i>Đàn bầu</i>.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ <i>Đàn bầu</i> .	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Dẫn dắt, nêu tên tác giả và bài thơ, cảm nhận khái quát về bài thơ. * Thân bài: - Giới thiệu chung về tác giả (nếu có thông tin) và tác phẩm (sáng tác năm 1956, sử dụng thể thơ năm chữ, các dòng chủ yếu ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, chủ yếu gieo vần chân, giàu tính nhạc, nhân vật trữ tình xuất hiện trực tiếp, giọng điệu khi trầm ám và tha thiết, gồm bốn khổ thơ, có sự lặp lại hai câu cuối của khổ 1 ở hai câu đầu của khổ cuối, sử dụng nhiều phép tu từ,...). - Phân tích bài thơ HS có thể phân tích bài thơ theo nhiều cách, song cần làm rõ hoàn cảnh nghe đàn, nảy sinh cảm hứng sáng tác của tác giả; đặc điểm của tiếng đàn bầu và những suy nghĩ, cảm xúc của tác giả được thể hiện qua mỗi khổ thơ. Cần phân tích được các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc ở mỗi khổ thơ trong việc khắc họa hình tượng và thể hiện tình cảm, tư tưởng của tác giả. Gợi ý: + Về hoàn cảnh nảy sinh cảm hứng sáng tác: nghe thấy tiếng đàn trong đêm thâu. + Về đặc điểm của tiếng đàn: Tiếng đàn mát lạnh, trong trẻo và ngọt ngào như nước suối; gần gũi, triu mến và thân thương như tiếng mẹ, tiếng cha; tiếng đàn là sự thể hiện tâm trạng của người đánh đàn – ngày xưa thì “nào ruột”, đốn đau (dòng nước mắt); ngày nay thể hiện, gợi lên tình yêu quê hương tha thiết, làm tâm hồn của con người thăng hoa. + Về tình cảm, tư tưởng của tác giả: Yêu thích tiếng đàn bầu; có những cảm nhận tinh tế và liên tưởng phong phú về tiếng đàn; hiểu được giá trị của đàn bầu và coi đàn bầu như một loại nhạc cụ mang trong mình những giá trị và bản sắc văn hóa của dân tộc, thể hiện được tâm hồn của con người Việt Nam. - Đánh giá + Bài thơ ngắn gọn, hàm súc; ngôn ngữ có giá trị gợi hình, gợi cảm cao độ. + Bài thơ thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tình yêu đối với tiếng đàn bầu nói riêng, tình yêu quê hương đất nước nói chung của nhà thơ. * Kết bài: Nêu ấn tượng sâu đậm về bài thơ hoặc về tiếng đàn bầu.	1,0
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân	1,5

	- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ ÔN THI BÁM SÁT MINH HỌA ĐỀ 06 <i>(Đề thi có 04 trang)</i>	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề</i>
--	---

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(1) ChatGPT (Chat Generative Pre-training Transformer) là một chương trình kết hợp với AI để tương tác với con người, do Công ty OpenAI phát triển. Chat GPT sở hữu nhiều chức năng khác nhau, bao gồm trả lời câu hỏi, giải phương trình toán học, viết văn bản, bài luận, làm thơ, soạn nhạc, thiết kế, gỡ lỗi và sửa mã trong lập trình, dịch giữa các ngôn ngữ, tạo bản tóm tắt văn bản. Thậm chí có thể tạo ra các ý tưởng sơ khai về chiến lược kinh doanh hay lên kế hoạch cho một hoạt động cụ thể.

Trong lĩnh vực giáo dục, ChatGPT giúp công việc của giáo viên, học sinh, sinh viên trở nên thuận lợi, dễ dàng hơn, đặc biệt là góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. ChatGPT giúp giáo viên giải phóng khỏi một số công việc, tập trung vào thay đổi cách thức dạy học từ truyền đạt nội dung là chủ yếu sang phát triển năng lực sáng tạo của người học và thúc đẩy học tập theo hướng cá thể hóa. Chẳng hạn, sử dụng ChatGPT để tạo tình huống trong giảng dạy hay giao bài tập cho học sinh.

ChatGPT giúp học sinh, sinh viên mạnh dạn hơn trong học tập, đưa ra các câu hỏi và tranh luận. Khi tiếp xúc trực tiếp với thầy cô, học sinh thường e ngại, không dám hỏi hoặc rất ít hỏi, còn với ChatGPT, người học có thể hỏi mọi câu hỏi. Điều này đồng nghĩa với ChatGPT đi đúng với bản chất của giáo dục hiện đại. Việc khuyến khích sử dụng ChatGPT một cách có trách nhiệm cũng như việc hình thành năng lực số, tận dụng công cụ số là cách thức để giáo viên, học sinh, sinh viên phát triển bản thân, phục vụ việc học tập và phát triển nghề nghiệp.

(2) Tuy nhiên, ChatGPT còn bộc lộ nhiều hạn chế và tiềm ẩn nhiều nguy cơ nếu sử dụng nó một cách vô trách nhiệm và thiếu đạo đức. Trước hết, độ chính xác không đồng đều về dữ kiện thực tế của ChatGPT, trong nhiều trường hợp nội dung hồi đáp bị sai lệch, bởi thông tin đưa ra dựa trên dữ liệu tổng hợp từ nguồn Internet có thể không chính xác. Hơn nữa, kho dữ liệu hiện tại mà Chat GPT sử dụng chỉ mới được cập nhật đến năm 2021. [...]

Với khả năng tạo ra các đoạn văn, bài thơ, bài tiểu luận khá mạch lạc chỉ trong thời gian ngắn, xuất hiện những lo ngại về nguy cơ phụ thuộc của người học vào ChatGPT, dẫn đến hạn chế về tư duy phản biện cũng như kỹ năng giải quyết vấn đề. ChatGPT có thể “tiếp tay” cho việc gian lận học thuật và nguy cơ xói mòn trí tuệ người học. [...]

Mặc dù cho đến nay, OpenAI đã có một số biện pháp bảo vệ, ngăn ngừa mọi người yêu cầu ChatGPT tạo mã phần mềm độc hại, nhưng vẫn có kẻ hồ khiến giáo viên, học sinh, sinh viên có thể bị mất cắp dữ liệu một cách nhanh chóng. ChatGPT tạo ra một phần mềm độc hại có thể đánh cắp dữ liệu người khác mà không bị phát hiện chỉ trong thời gian rất ngắn (vài giờ). Sau khi nắm giữ dữ liệu, nó có thể chia dữ liệu thành các phần nhỏ hơn và ẩn các phần đó trong các hình ảnh khác trên thiết bị. Những hình ảnh được tải lên thư mục Google Drive và rất khó bị phát hiện.

(Theo Nguyễn Nhâm, Đề ChatGPT thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, dẫn theo vov.vn, ngày 25-4-2023)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. ChatGPT là gì?

Câu 2. Đoạn trích cho thấy hai khía cạnh nào của ChatGPT?

Câu 3. Xác định tên gọi và tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: ChatGPT sở hữu nhiều chức năng khác nhau, bao gồm trả lời câu hỏi, giải phương trình toán học, viết văn bản, bài luận, làm thơ, soạn nhạc, thiết kế, gỡ lỗi và sửa mã trong lập trình, dịch giữa các ngôn ngữ, tạo bản tóm tắt văn bản.

Câu 4. Anh/ Chị có đồng tình với ý kiến sau của tác giả hay không? Vì sao?

Với khả năng tạo ra các đoạn văn, bài thơ, bài tiểu luận khá mạch lạc chỉ trong thời gian ngắn, xuất hiện những lo ngại về nguy cơ phụ thuộc của người học vào ChatGPT, dẫn đến hạn chế về tư duy phản biện cũng như kỹ năng giải quyết vấn đề.

Câu 5. Từ đoạn trích, kết hợp với những trải nghiệm của bản thân, anh/ chị hãy nêu ra một giải pháp để sử dụng ChatGPT có hiệu quả. Trình bày trong khoảng 5 – 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Mẹ ơi, chân thật là gì?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét.

(Phùng Quán, Lời mẹ dặn, dẫn theo thivien.net)

Từ ý thơ trên, kết hợp với những trải nghiệm của bản thân, anh / chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ và lòng trung thực.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong truyện Giăng sáng (sáng tác năm 1943), Nam Cao viết về nhân vật Điền (một nhà văn) như sau:

... Đó là một cái mộng văn chương. Đã có một thời, Điền chăm chỉ đọc sách, viết văn. Điền nao nức muốn trở nên một văn sĩ. Điền nguyện sẽ cam chịu tất cả những thiếu thốn, đọa đày mà văn nhân nước mình phải chịu. Điền vẫn thường bảo với một người bạn cùng chí hướng: Điền sẵn lòng từ chối một chỗ làm kiếm mỗi tháng hàng trăm bạc, nếu có thể kiếm được năm đồng bạc về nghề văn... Nhưng viết luôn mấy năm trời, Điền chẳng kiếm được đồng nào. Trong khi ấy Điền

vẫn phải ăn. Nhà Điền kiết xác xơ. Các em Điền không được đi học. Mà cũng không được ăn no nữa. Sự túng thiếu đưa đến bao nhiêu là lục đục. Bố Điền bỏ nhà đi. Mẹ Điền gồng thuê, gánh mướn kiếm tiền nuôi hai đứa con thơ. [...] Điền thấy mình ích kỉ. Sự nghiệp mà làm gì nữa? Bỗng phận Điền phải nghĩ đến gia đình. Điền phải gây dựng lại gia đình! Điền phải tạm quên cái mộng văn chương để kiếm tiền.

(Nam Cao, Giảng sáng, in trong Nam Cao – Truyện ngắn tuyển chọn, NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 215 – 216)

Còn đây là nhân vật Hộ trong truyện Đời thừa của Nam Cao (sáng tác năm 1943).

Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bây giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không nghĩa lí gì đối với gã trẻ tuổi say mê lí tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tầm mún về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn mỗi ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi khổ đau của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lí, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách, hay một đoạn văn kí tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiên răng, vò nát sách mà mắt mình như một thằng khốn nạn...

(Nam Cao, Đời thừa, in trong Nam Cao – Truyện ngắn tuyển chọn, NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 253 – 254)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh nhân vật Điền và nhân vật Hộ trong hai đoạn trích trên.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	ChatGPT (Chat Generative Pre-training Transformer) là một chương trình kết hợp với AI để tương tác với con người, do Công ty OpenAI phát triển.	0,5
	2	Đoạn trích cho thấy hai khía cạnh tích cực và tiêu cực (hoặc tác dụng và hạn chế) của ChatGPT.	0,5
	3	– Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn là biện pháp liệt kê. – Tác dụng: thể hiện được chức năng ứng dụng rất đa dạng và phong phú của ChatGPT.	1,0
	4	HS bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối của mình với ý kiến đã nêu. Lập luận cần chặt chẽ, có sức thuyết phục. – Nếu đồng tình, có thể lập luận theo hướng: Điều lo ngại của mọi người là đúng. Bởi khi người học không tự mình giải quyết vấn đề mà luôn tìm kiếm câu trả lời hoặc giải pháp từ ChatGPT, sử dụng luôn/lạm dụng những kết quả mà ChatGPT cung cấp thì người học sẽ luôn bị phụ thuộc vào công cụ này, lười suy nghĩ, hạn chế về tư duy phản	1,0

		biện (phân biệt đúng / sai) cũng như kỹ năng giải quyết vấn đề (tự mình giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trong học tập). – Nếu phản đối, có thể lập luận theo hướng: Không quá lo ngại về điều đó vì trên thực tế không phải câu trả lời nào của ChatGTP cũng đúng và hoàn hảo. Bài làm của HS sẽ được GV đánh giá. Nếu GV chỉ ra được những sai sót hoặc không hợp lý trong các câu trả lời hoặc sản phẩm của HS (lấy từ ChatGTP) thì HS sẽ không thể cứ tiếp tục lạm dụng công cụ này.	
	5	HS trả lời theo quan điểm riêng. Câu trả lời cần chặt chẽ, có sức thuyết phục. Độ dài câu trả lời theo số dòng quy định. Tham khảo một trong những giải pháp sau: – Tìm kiếm câu trả lời từ ChatGTP để tiết kiệm thời gian và có những dữ liệu ban đầu. Nhưng sau đó cần kiểm chứng thông tin ấy từ các nguồn dẫn thông tin khác (như Google chẳng hạn) để quyết định xem có nên sử dụng thông tin lấy từ ChatGTP hay không. – Hầu hết các câu trả lời của ChatGPT đều không dẫn nguồn, vì thế không sử dụng ChatGPT cho các quyết định quan trọng. – Các thầy cô giáo cần hướng dẫn HS chỉ coi ChatGPT là công cụ, không nên lạm dụng nó. GV cần giáo dục ý thức, lòng tự trọng cho người học; đồng thời, thay đổi định dạng bài kiểm tra để loại bỏ các công cụ AI,...	1,0
II		VIẾT	6,0
		Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ và lòng trung thực.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ và lòng trung thực.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tuổi trẻ và lòng trung thực.	0,25
	1	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Giới thiệu đoạn thơ (đã cho) và nêu vấn đề: Tuổi trẻ và lòng trung thực. * Thân đoạn: - Nêu khái quát về biểu hiện của lòng trung thực (chân thật) được thể hiện ở đoạn thơ đã cho (thể hiện một cách tự nhiên, chân thành những tình cảm và cảm xúc của mình; thật thà, thẳng thắn). - Bàn luận về vấn đề tuổi trẻ và lòng trung thực. Cần làm rõ: Tuổi trẻ có đặc điểm gì? Lòng trung thực có ý nghĩa như thế nào? Vì sao tuổi trẻ cần có lòng trung thực? Cho ví dụ minh họa. - Liên hệ bản thân và rút ra bài học + Cách thể hiện lòng trung thực của bản thân. + Rút ra bài học cho bản thân và những người trẻ tuổi nói chung: cần có lòng trung thực song cần phân biệt giữa sự thật thà, thẳng thắn với sự thô lỗ, thiếu tế nhị. * Kết đoạn: Khẳng định lại sự cần thiết của việc tuổi trẻ cần có lòng trung thực và nên thể hiện sự trung thực một cách phù hợp.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	0,5

		- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh nhân vật Điền và nhân vật Hộ trong hai đoạn trích <i>Đời thừa</i> và <i>Giăng sáng</i> của Nam Cao.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> So sánh nhân vật Điền và nhân vật Hộ trong hai đoạn trích <i>Đời thừa</i> và <i>Giăng sáng</i> của Nam Cao.	0,5
	2	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Dẫn dắt, khái quát điểm tương đồng và khác biệt giữa hai nhân vật Điền và Hộ trong hai đoạn trích. * Thân bài: - Nêu ngắn gọn những hiểu biết chung về nhà văn Nam Cao và hai truyện ngắn: <i>Giăng sáng</i>, <i>Đời thừa</i> (cùng viết năm 1943, trước Cách mạng tháng Tám 1945). - So sánh hai nhân vật trong hai đoạn trích + Điểm giống nhau: . Về nội dung: Cả hai nhân vật đều là những người trí thức (nhà văn), coi trọng nghề nghiệp; sống có lí tưởng và hoài bão; coi khinh những lo lắng tụn mუნ về vật chất; chấp nhận khó khăn, thử thách để mong có được sự nghiệp mà mình mong muốn; biết sống vì người khác;... Tuy nhiên, họ lại rơi vào bi kịch: gia cảnh nghèo khó, phải làm những việc mình không mong muốn để kiếm tiền. . Về nghệ thuật: cả hai đoạn văn đều sử dụng kết hợp phương thức tự sự với biểu cảm, đều sử dụng điểm nhìn toàn tri (ngôi kể thứ ba), nhập vai vào nhân vật, với hình thức ngôn ngữ nửa trực tiếp, tập trung khắc họa bối cảnh và những nghĩ suy, dẫn vật của nhân vật. + Điểm khác nhau: . Nhân vật Điền: Không kiếm được đồng nào nhờ việc viết lách trong khi vẫn phải ăn, nhà Điền thì nghèo kiệt xác và lục đục; không dám theo đuổi sự nghiệp để kiếm tiền lo cho gia đình; tự nhận thấy mình ích kỉ trong mối quan hệ với người thân. . Nhân vật Hộ: Có cả một gia đình phải chăm lo, tốn nhiều thì giờ vào những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lí nhưng không thể không nghĩ tới;	1,0

	phải viết văn, viết báo một cách cầu thả để kiếm tiền (khác với sự thận trọng trước kia); tự thấy mình là một kẻ khốn nạn trong nghề nghiệp. - Đánh giá + Thông qua hai nhân vật, Nam Cao khái quát được đặc điểm tiêu biểu của người trí thức và bị kịch của họ trong xã hội cũ: có phẩm chất và lí tưởng cao đẹp nhưng bị "cuộc sống áo cơm ghì sát đất", rơi vào bị kịch và bị tha hóa. Qua hai nhân vật, nhà văn thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của mình. + Thể hiện tài năng của nhà văn Nam Cao trong việc xây dựng, khắc họa hình tượng nhân vật người trí thức trong xã hội cũ. * Kết bài: Nêu ấn tượng sâu đậm về hai nhân vật hoặc về tư tưởng của nhà văn thể hiện qua việc khắc họa hai nhân vật. Cũng có thể nêu những băn khoăn, trăn trở của bản thân được gợi ra từ đặc điểm của các nhân vật này.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ ÔN THI BÁM SÁT MINH HỌA	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025
ĐỀ 07	MÔN: NGỮ VĂN
(Đề thi có 04 trang)	Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong cuộc gặp, khi một bạn trẻ yêu cầu đưa ra lời khuyên cho những người trẻ, Tổng thống Obama đã nói rằng: “Lúc nào cũng muốn mình là người nọ người kia thì rất tốn thời gian. Hãy yêu công việc mình làm. Bill Gates đâu có muốn là tỉ phú. Ông ấy tập trung vào máy tính.

Tôi đâu nghĩ mình sẽ làm Tổng thống, tôi quan tâm đến người nghèo nên đến làm ở Chicago. Tôi xây dựng tổ chức có thể mang lại điều tôi quan tâm và đó là lí do dẫn dắt tôi vào vị trí Tổng thống.

Hãy tập trung vào làm tốt điều nào đó và tự dung bạn sẽ trở thành nhà lãnh đạo.”.

(Trích Tổng thống Mỹ Obama kết thúc chuyến thăm Việt Nam,
dẫn theo tienphong.vn)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn trích trên thuật lại điều gì?

Câu 2. Theo Tổng thống Mỹ Obama, một nhà lãnh đạo cần có tố chất gì?

Câu 3. Nêu tác dụng của các phép liên kết câu được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 4. Theo Tổng thống Mỹ Obama: Hãy tập trung vào làm tốt điều nào đó và tự dung bạn sẽ trở thành nhà lãnh đạo. Anh / Chị có tán thành với ý kiến ấy không? Vì sao?

Câu 5. Bài học sâu sắc cho bản thân mà anh/ chị rút ra được từ đoạn trích trên là gì? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Napoleon Hill cho rằng: Những thành tựu lớn lao được sinh ra từ sự hi sinh lớn lao, và chẳng bao giờ là kết quả của sự ích kỉ.

James Allen cũng nhấn mạnh: Không thể có tiến bộ hay thành tựu mà không có hi sinh.

(Dẫn theo tudiendanhngon.vn)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của anh/ chị về các ý kiến trên.

Câu 2. (4.0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích đặc điểm của thể loại hài kịch được thể hiện trong đoạn trích sau đây:

(Tóm tắt: “*Lão hà tiện*” (1668) là vở hài kịch nổi tiếng của Mô-li-e (Molière nhà viết kịch vĩ đại người Pháp). Ác-pa-gông (Harpagon) là một tư sản giàu có nhờ cho vay nặng lãi nhưng tính tình vô cùng keo kiệt, bủn xỉn. Ông ta đã goá vợ, có hai con là Clê-ăng (Cleante) và E-li-do (Elise) nhưng không hề quan tâm đến con mà chỉ nghĩ đến tiền bạc. Ác-pa-gông mở tiệc thết đãi mọi người và mời Ma-ri-an (Marian), một cô gái trẻ (mà ông định cưới làm vợ) đến dự.)

Đoạn trích dưới đây kể về việc ông ta sai gia nhân chuẩn bị bữa tiệc ấy.

ÁC-PA-GÔNG: Nào, lại cả đây để tôi phân lệnh chóc nữa làm và cắt việc cho mỗi người. Lại gần đây, bà Clốt. Bắt đầu là bà nhé. (Bà Clốt cầm cái chổi). Được, bà sẵn khí giới cầm tay rồi. Tôi trao cho bà nhiệm vụ lau chùi mọi nơi, và nhất là cẩn thận đừng cọ các đồ gỗ mạnh quá, sợ mòn mất. Ngoài việc ấy, tôi uy cho bà, lúc bữa ăn tối, quản giám chai lọ; nếu để thất lạc cái nào và đánh vỡ cái gì, tôi sẽ bắt đền bà rồi trừ vào tiền công.

BÁC GIẮC (nói riêng): Hình phạt thiết thực lắm!

ÁC-PA-GÔNG (vẫn nói với bà Clốt): Thôi, đi. Đến anh Branch-đa-voan (Brinda voine) và anh, La Me-cluy-sơ (La Merluche), tôi cắt cho các anh chức vụ lau rửa cốc và rót rượu, nhưng chỉ khi nào mọi người khát, chứ không phải theo thói của những thằng đầy tớ dớ dẩn, như muôn khiêu khích người ta, nhắc nhở người ta phải uống khi người ta không nghĩ đến chuyện uống. Hãy chờ khi người ta hò đôi ba lần đã, và nhớ là phải mang thêm thật nhiều nước lã.

BÁC GIẮC (nói riêng): Vâng, rượu nguyên không pha, bốc lên đầu.

LA ME-CLUY-SƠ: Thế chúng tôi có phải cời áo ngoài không, thưa ông?

ÁC-PA-GÔNG: Có, nhưng khi nào thấy khách đến đã, và giữ gìn kĩ chớ làm hỏng y phục.

BRANH-ĐA-VOAN: Thưa ông, ông đã biết rõ, vạt trước áo vét dài của tôi bị một vết dầu đèn to tướng.

LA ME-CLUY-SƠ: Còn tôi, thưa ông, quần của tôi thì thùng đít và, nói lỗi phép, người ta nhìn thấy...

ÁC-PA-GÔNG (nói với La Me-cluy-sơ): Im! Liệu khéo quay cái đó vào phía tường và lúc nào cũng quay đằng trước ra phía khách là được. (Ác-pa-gông đặt chiếc mũ trước áo của mình để chỉ cho Branch-đa-voan phải làm thế nào để che vết dầu). [...]

ÁC-PA-GÔNG: [...] Ô này, bác Giắc, lại gần đây. Tôi để bác lại người cuối cùng đây.
 BÁC GIẮC: Nhưng, thưa ông, ông muốn nói với anh đánh xe hay với anh đầu bếp, bởi vì tôi vừa là anh này vừa là anh kia.
 ÁC-PA-GÔNG: Với cả hai.
 BÁC GIẮC: Nhưng, trong hai người, ông nói với ai trước?
 ÁC-PA-GÔNG: Với đầu bếp.
 BÁC GIẮC: Vậy ông làm ơn chờ cho. (Bác bỏ mũ đánh xe và xuất hiện với bộ áo đầu bếp).
 ÁC-PA-GÔNG: Nghi thức quý quái gì thế?
 BÁC GIẮC: Ông cứ nói.
 ÁC-PA-GÔNG: Bác Giắc, chả là tôi đã định thết cơm khách tối nay.
 BÁC GIẮC (nói riêng): Một kì quan vĩ đại!
 ÁC-PA-GÔNG: Bác cho biết, liệu có cho chúng ta ăn ngon được không?
 BÁC GIẮC: Được, nếu ông cho nhiều tiền.
 ÁC-PA-GÔNG: Quý thật! Lúc nào cũng tiền! Hình như chúng nó không có gì khác mà nói: “Tiền, tiền, tiền!”. À! Chúng nó chỉ có tiếng “Tiền” nơi cửa miệng. Lúc nào cũng nói tiền! Tiền, đó là gươm gôi đầu giường của chúng nó! [...]
 ÁC-PA-GÔNG: Thôi, im. Bác cần những gì nào?
 BÁC GIẮC: Đây, có ông quản gia, ông ấy làm cơm ngon cho ông mà mất ít tiền.
 ÁC-PA-GÔNG: Chao chao! Tôi muốn bác trả lời tôi.
 BÁC GIẮC: Các ông có bao nhiêu người ăn?
 ÁC-PA-GÔNG: Chúng tôi tám hoặc mười người; nhưng chỉ tính tám người. Khi đủ cho tám người ăn thì cũng rất đủ cho mười người. [...]
 BÁC GIẮC: Vậy thì phải bốn bát nấu rõ đây và năm đĩa xào đầu vị. Món nấu: nước dùng tôm he, chim đa đa hầm bắp cải xanh, rau nấu thượng thang, vịt nấu củ cải. Đầu vị: thịt gà xé, bò câu ra giàng nhồi thịt, ức bê non, dồi lợn và nấm xào.
 ÁC-PA-GÔNG: Quý quý! Thế để thết cả một thành phố à?
 BÁC GIẮC: Thịt quay đây một xanh thật to, xếp cao thành hình kim tự tháp, nửa con bê thả béo bên sông, ba chim trĩ, ba gà mái tơ béo, mười hai chim câu nuôi chuồng, mười hai gà giò,...
 ÁC-PA-GÔNG (lấy tay bịt miệng bác Giắc): À! Thằng phản chủ! Mày ăn hết của của tao.

(Molière, Lão hà tiện – Hải kịch của Molière (Đỗ Đức Hiểu dịch),
 NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978, tr. 115 – 123)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đoạn trích trên thuật lại lời khuyên của Tổng thống Obama đối với những người trẻ nhân chuyến thăm Việt Nam của ông.	0,5
	2	Theo Tổng thống Mỹ Obama, một nhà lãnh đạo cần có tình yêu đối với công việc mình làm và tập trung vào công việc đó.	0,5
	3	Đoạn trích chủ yếu sử dụng các phép liên kết câu: lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ. Các phép liên kết này làm cho các câu trong đoạn trích có sự gắn kết về chủ đề, được sắp xếp theo một trình tự hợp lí và chặt chẽ.	1,0
	4	HS thể hiện sự đồng tình hoặc phản đối (hoặc kết hợp cả hai) quan điểm của Tổng thống Mỹ Obama: Hãy tập trung vào làm tốt điều nào đó và tự dung bạn sẽ trở thành nhà lãnh đạo. Cần có lí giải cụ thể và	1,0

		chặt chẽ để bảo vệ quan điểm của mình. – Nếu đồng tình, cần khẳng định “điều nào đó” mà chúng ta làm phải là những điều có giá trị, có ý nghĩa đối với bản thân và nhiều người khác, truyền được cảm hứng cho mọi người và lôi cuốn họ vào công việc ấy. – Nếu phản đối, cần khẳng định không phải làm bất cứ điều gì cũng sẽ được như vậy; hơn nữa, nếu việc đó chỉ tốt cho bản thân ta, không truyền cảm hứng và lôi cuốn người khác, không thể hiện được vị thế là người dẫn đầu hoặc quy tụ được mọi người thì ta không thể trở thành nhà lãnh đạo được. – Nếu vừa đồng tình vừa phản đối: kết hợp hai cách lập luận trên.	
	5	HS trả lời theo quan điểm riêng. Câu trả lời cần chặt chẽ, có sức thuyết phục. Độ dài câu trả lời theo số dòng quy định. Tham khảo một số bài học sau: – Muốn trở thành nhà lãnh đạo thì hãy làm thật tốt một điều gì đó (điều có ý nghĩa cho bản thân và xã hội). – Luôn nỗ lực để làm những điều tốt cho bản thân và xã hội, nhưng không nhất thiết làm như thế để trở thành người lãnh đạo. – Mỗi người cần có một đam mê riêng và tập trung vào điều mà mình đam mê ấy. Tất nhiên, đó phải là những đam mê chân chính.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Napoleon Hill cho rằng: Những thành tựu lớn lao được sinh ra từ sự hi sinh lớn lao, và chẳng bao giờ là kết quả của sự ích kỉ. James Allen cũng nhấn mạnh: Không thể có tiến bộ hay thành tựu mà không có hi sinh. (Dẫn theo tudiendanhngon.vn) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của anh/ chị về các ý kiến trên.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề: - Những thành tựu lớn lao được sinh ra từ sự hi sinh lớn lao, và chẳng bao giờ là kết quả của sự ích kỉ. - Không thể có tiến bộ hay thành tựu mà không có hi sinh.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> - Những thành tựu lớn lao được sinh ra từ sự hi sinh lớn lao, và chẳng bao giờ là kết quả của sự ích kỉ. - Không thể có tiến bộ hay thành tựu mà không có hi sinh.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Dẫn dắt và nêu hai ý kiến đã cho; khái quát quan điểm của bản thân (đồng tình, phản đối). * Thân đoạn: - Giải thích hai ý kiến để thấy được cả hai đều khẳng định sự hi sinh của con người mang lại những thành tựu hoặc tiến bộ cho bản thân và nhân loại. - Bàn luận về ý kiến. HS có thể đồng tình hoặc phản đối hoặc vừa đồng tình vừa phản đối ý kiến đã nêu. Cần có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, có tính thuyết phục.	0,5

		- Liên hệ bản thân và rút ra bài học + Sự hi sinh của bản thân (nếu có). + Rút ra bài học cho bản thân và những người xung quanh: cần biết hi sinh (khi cần) để góp phần tạo nên những điều tốt đẹp; không hi sinh mù quáng. * Kết đoạn: Khẳng định lại sự cần thiết của đức hi sinh của mỗi người đối với gia đình và xã hội.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích đặc điểm của thể loại hài kịch được thể hiện trong đoạn trích <i>Lão hà tiện</i>.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích đặc điểm của thể loại hài kịch được thể hiện trong đoạn trích <i>Lão hà tiện</i> .	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận (Đặc điểm của thể loại hài kịch được thể hiện trong đoạn trích). * Thân bài: - Giới thiệu về thể loại hài kịch và những đặc điểm của hài kịch nói chung. (Hài kịch sử dụng tiếng cười nhằm giễu cợt, phê phán cái xấu, cái lỗi bịch, cái lỗi thời, để tổng tiến nó một cách vui vẻ ra khỏi đời sống. Đặc điểm của hài kịch thể hiện ở các phương diện: tình huống, xung đột, hành động (nhân vật), ngôn ngữ,...). - Phân tích, chứng minh những đặc điểm cụ thể của hài kịch trong đoạn trích + Tình huống khiến cho xung đột kịch xuất hiện: . Tình huống Ác-pa-gông chuẩn bị mở tiệc đãi khách đã bộc lộ bản chất hà tiện của ông ta,... . Xung đột của đoạn trích là mâu thuẫn, sự đối lập giữa nội dung với hình thức, giữa biểu hiện bên ngoài với bản chất bên trong của nhân vật Ác-pa-gông – một nhà tư sản giàu có nhưng vô cùng keo kiệt, bủn xỉn,... + Nhân vật, ngôn ngữ kịch:	1,0

	. Nhân vật chính trong đoạn trích là Ác-pa-gông – một nhà tư sản giàu có mà keo kiệt. Ông ta nuôi nhiều người hầu trong nhà nhưng không quan tâm và trả công thỏa đáng cho họ: người thì áo cũ đã có vết dầu mà không được may áo mới, người thì mặc quần thùng đít, người thì phải làm cả hai công việc đầu bếp và đánh xe,... . Ngôn ngữ (đối thoại, độc thoại, bàng thoại) cho thấy bản chất hà tiện đáng cười của Ác-pa-gông: dặn bà Clốt không cạo đồ gỗ mạnh quá vì sợ mòn, sai Branch-đa-voan và La Me-cluy-sơ pha rượu với nước lã để đãi khách, yêu cầu La Me-cluy-sơ có cái quần thùng đít hãy quay chỗ thùng vào tường,... - Bình luận: Đánh giá, bàn bạc mở rộng về đặc điểm của hài kịch trong đoạn trích + Đề tài hà tiện của đoạn trích là một đề tài mang tính hài kịch. + Nhân vật chính Ác-pa-gông mang tật xấu mà lại không biết là mình xấu, lại muốn tô vẽ thành đẹp, muốn khoác vào mình một bộ áo thật sang thì cái xấu càng trở nên lộ bịch, càng trở thành đối tượng của tiếng cười. + Mô-li-e dùng tiếng cười để chế giễu bộ mặt của giai cấp thống trị, bóc trần mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức của giai cấp bóc lột (thông qua nhân vật chính Ác-pa-gông). Từ đó, người đọc có thể rút ra ý nghĩa nhân sinh sâu sắc,... * Kết bài: Khẳng định lại đặc điểm của thể loại hài kịch ở đoạn trích trên.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ ÔN THI BẮM SÁT MINH HỌA ĐỀ 08 (Đề thi có 04 trang)	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề
---	--

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Sức mạnh của niềm tin không có gì là ma thuật hay bí ẩn cả. Niềm tin, tức thái độ “tôi tin là tôi có thể”, luôn lan tỏa một sức mạnh, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn và tiếp thêm nghị lực cho ta. Khi bạn tin rằng, “tôi có thể làm được” thì cách thức thực hiện sẽ xuất hiện.

Có không ít bạn trẻ bắt đầu một công việc mới mỗi ngày trên khắp thế giới. Mỗi người đều “mơ ước” một ngày nào đó, mình sẽ vươn đến đỉnh cao của sự nghiệp. Điều đáng tiếc là phần lớn những bạn trẻ này lại chưa tin hẳn vào bản thân mình. Chính nếp nghĩ “tôi không thể” đã hạn chế khả năng sáng tạo và khiến họ không tìm ra được con đường thích hợp để vươn lên. Đây là lẽ thói suy nghĩ thường thấy ở những người “bình thường”.

Tuy nhiên, vẫn có một số ít bạn trẻ dám tin rằng họ sẽ thành công. Họ bắt tay vào công việc bằng thái độ tích cực: “Tôi đang vươn đến đỉnh cao đây!”. Và với niềm tin lớn lao ấy, họ đã thành công. Bằng suy nghĩ “không gì là không thể”, những người trẻ này quan sát và học hỏi cách làm việc của thế hệ đi trước. Họ tìm hiểu cách tiếp cận vấn đề, cách ra quyết định cũng như thái độ làm việc của những người thành đạt. Thật vậy, bí quyết “cần phải thực hiện như thế nào” luôn đến với những ai tin rằng mình có thể làm được.

(Ph.D, David J. Schawartz, Dám nghĩ lớn,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr. 9 – 10)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đối tượng mà người viết muốn hướng tới trong đoạn trích là ai?

Câu 2. Mục đích của người viết là gì?

Câu 3. Chỉ ra những câu văn thể hiện lí lẽ và bằng chứng mà tác giả đã đưa ra nhằm thuyết phục người đọc.

Câu 4. Phân tích tác dụng của những câu khẳng định được sử dụng ở phần mở đầu đoạn trích.

Câu 5. Trong đoạn mở đầu có câu: Khi bạn tin rằng, “tôi có thể làm được” thì cách thức thực hiện sẽ xuất hiện. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm ấy của tác giả không? Vì sao?

II. PHÂN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phát triển ý chính sau: Tuổi trẻ phải có niềm tin đối với bản thân.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn sau:

HƯƠNG ỒI

Tôi sức nhớ đến số báo đầu thu sắp tới – Cha viết một bài chẳng – tôi bảo.
Ông già không nói. Đang nhấp ngụm trà thơm phức mùi ngâu. Hoa ngâu năm ngoái.
Buổi chiều, cô Ngân sang chơi. Cô hàng xóm vừa du học ở Australia về. Cho một đĩa ổi chín.

– Cây chặt từ lâu rồi mà. – Tôi ngạc nhiên hỏi.

Cây vườn bên ngày xưa, cứ thu về là hương ổi tỏa sang. Hương nhẹ nhẹ băng khuâng. Nhưng tuổi thơ tôi chẳng bao giờ được ăn ổi vườn bên. Tiếng con bé Ngân ríu rít trèo hái quả. Tiếng mùa thu ríu rít. Nhưng cha tôi cấm, không cho sang. Hai nhà không giao thiệp. Chỉ có hương ổi là bay sang.

Tôi cũng chẳng mấy khi gặp mẹ Ngân. Bà đẹp lắm. Đẹp lạ lùng. Nghe nói ngày trẻ, cha tôi yêu bà. Tình yêu từ tuổi ấu thơ có mùi hương ổi. Nhưng mẹ cha không ưng thầy kí nhật trình nghèo, chẳng gả. Cha rủ bà trốn. Bà không dám. Rồi một hôm thấy pháo cưới treo trên hành ổi tung toé, quả chín rơi lụp bụp. Cha bà nhận chàng trai đang là kĩ sư công chính về ở rể.

Bức tường ngăn được xây cao thêm và lên rêu năm tháng từ ấy. Nhưng hương ổi thu về vẫn cứ bay sang.

Mẹ tôi và cha Ngân cùng mất một độ, cách đây mấy năm. Bà mẹ chặt cây ổi quý nhưng đã cỗi. Tiếng dao chặt gỗ chan chất trong một buổi sớm đầu thu. Cha tôi ngồi bên cửa sổ run run lục tìm những trang viết ố vàng, nhưng vẫn còn thoảng mùi hương ổi tình đầu...

Vậy sao hôm nay lại có những trái ổi đào?

– Em ươm giống cũ trồng mới đấy. Năm nay ra trái bói. – Ngân nói.

Tôi cắn trái ổi mùa đầu. Và mời cha một trái. Răng ông đã yếu. Nhưng trái của ông chín mềm...

(Nguyễn Phan Hách, Những trang văn chọn lọc,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002, tr. 196 – 197)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đối tượng mà người viết muốn hướng tới trong đoạn trích là những người trẻ, tuổi trẻ.	0,5
	2	Mục đích của người viết là thuyết phục về sức mạnh của niềm tin.	0,5
	3	Những câu văn thể hiện lí lẽ và bằng chứng mà tác giả đưa ra như: – Lí lẽ: Sức mạnh của niềm tin không có gì là ma thuật hay bí ẩn cả. Niềm tin, tức thái độ “tôi tin là tôi có thể”, luôn lan tỏa một sức mạnh, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn và tiếp thêm nghị lực cho ta. – Bằng chứng: Có không ít bạn trẻ bắt đầu một công việc mới mỗi ngày trên khắp thế giới.; Tuy nhiên, vẫn có một số ít bạn trẻ dám tin rằng họ sẽ thành công.	1,0
	4	Những câu văn khẳng định có tác dụng nhấn mạnh và thuyết phục về sức mạnh kì diệu của niềm tin.	1,0
	5	HS có thể đồng tình, không đồng tình, chỉ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả nhưng cần lí giải thuyết phục.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phát triển ý chính sau: Tuổi trẻ phải có niềm tin đối với bản thân.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề: Niềm tin vào bản thân có vai trò rất quan trọng đối với mỗi cá nhân, đặc biệt là người trẻ, tuổi trẻ	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tuổi trẻ phải có niềm tin đối với bản thân.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Nêu được vấn đề cần nghị luận (Niềm tin vào bản thân có vai trò rất quan trọng đối với mỗi cá nhân, đặc biệt là người trẻ, tuổi trẻ). * Thân đoạn: - Người có niềm tin đối với bản thân là như thế nào? (Luôn ý thức được năng lực, phẩm chất của mình; ý thức được giá trị của mình, biết	0,5

		đánh giá đúng vị trí, vai trò của mình,...); nêu một số ví dụ cụ thể. - Vì sao tuổi trẻ phải có niềm tin đối với bản thân? (Vì tuổi trẻ là tương lai của đất nước,... Nếu tuổi trẻ không có niềm tin vào chính bản thân mình thì sẽ không cống hiến được gì cho bản thân, gia đình, xã hội, sẽ không đưa đất nước được sánh vai với năm châu bốn bể, ...). Phê phán những biểu hiện sống thiếu niềm tin của tuổi trẻ. * Kết đoạn: Khẳng định lại vai trò quan trọng của niềm tin đối với bản thân.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn <i>Hương ổi</i>.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn <i>Hương ổi</i>.	0,5
	2	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Dẫn dắt, nêu tên tác giả và tác phẩm, cảm nhận khái quát về truyện ngắn <i>Hương ổi</i>. * Thân bài: - Giới thiệu chung về tác giả (nếu có thông tin) và tác phẩm (xuất xứ; thể loại truyện ngắn; kể chuyện ở ngôi thứ nhất số ít, người kể chuyện xưng tôi; điểm nhìn của người kể chuyện; hình tượng nghệ thuật – hương ổi, mang tính ẩn dụ, gắn với các nhân vật trong truyện; tình huống nghệ thuật độc đáo; có một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc;...). - Phân tích truyện ngắn HS có thể phân tích tác phẩm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần tập trung phân tích kĩ ý nghĩa của hình tượng “hương ổi”, tình huống truyện và một số chi tiết nghệ thuật, từ đó chỉ ra đặc điểm của một số nhân vật chính trong truyện và khái quát tư tưởng của tác giả. Tham khảo: + Hương ổi: là một chứng nhân của tình yêu giữa người cha của nhân vật tôi và mẹ của Ngân – tình yêu từ thuở ấu thơ. Tình yêu của hai người bị ngăn cản nhưng không gì có thể ngăn nổi hương ổi nồng nàn,	1,0

	mỗi độ thu về vẫn cứ bay sang. + Người cha: có một tình yêu tha thiết nhưng không thành, vẫn giữ kỉ niệm về tình yêu và sống với hoài niệm. + Nhân vật tôi (người con): thấu hiểu, bao dung, tràn đầy tình yêu thương dành cho cha mình; trân trọng và nâng niu kỉ niệm thời trai trẻ của cha mình. Nhân vật Ngân: hồn nhiên và trong sáng, vừa hiện đại vừa truyền thống. - Đánh giá + Câu chuyện ngắn gọn, hàm súc, giàu chất thơ; nội dung nhẹ nhàng mà thâm thúy, tinh tế. + Truyện ca ngợi vẻ đẹp của tình yêu đôi lứa, sự thấu hiểu và trân trọng những tình cảm đẹp đẽ, vị tha, nhân hậu, trong sáng của con người. * Kết bài: Nêu ấn tượng sâu đậm về truyện ngắn hoặc những suy nghĩ, cảm xúc được gợi ra từ tác phẩm.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ ÔN THI BÁM SÁT MINH HỌA	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025
ĐỀ 09	MÔN: NGỮ VĂN
(Đề thi có 04 trang)	Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BIỂN Ở QUANH TA

Từ khi khởi đầu cách mạng công nghiệp, loài người đã đốt đủ các loại nhiên liệu hóa thạch: than đá, dầu khí và khí đốt tự nhiên, thải thêm 365 tỷ tấn khí carbon vào trong bầu khí quyển. Việc phá rừng đã góp thêm 180 tỷ tấn nữa. Mỗi năm, chúng ta lại thải ra 9 tỷ tấn hoặc

trương đương, khối lượng cứ tăng thêm tới 6% mỗi năm. Hậu quả của tất cả những điều đó là nồng độ CO₂ trong không khí ngày nay là hơn 400 ppm, cao hơn so với bất cứ thời điểm nào khác trong 800 nghìn năm qua. Có khả năng lớn là nó cũng cao hơn so với bất cứ thời điểm nào trong bảy triệu năm qua. Nếu xu hướng hiện giờ tiếp tục, tới năm 2050 nồng độ CO₂ sẽ đạt mức 500 ppm, gần gấp đôi so với mức tiền công nghiệp. Người ta dự tính mức độ gia tăng như thế sẽ tạo ra mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu từ 3,5 tới 7 độ Fahrenheit, và tới lượt nó, nhiệt độ tăng sẽ dẫn tới hàng loạt những sự kiện làm thay đổi thế giới, bao gồm sự biến mất của hầu hết các tảng băng lớn còn lại, làm ngập lụt những hòn đảo thấp và những thành phố ven biển, và làm tan băng ở mỏm Bắc Cực. Nhưng đây mới chỉ là một nửa câu chuyện.

Đại dương chiếm 70% bề mặt trái đất, và ở bất cứ nơi nào nước và không khí tiếp xúc nhau đều có sự trao đổi. Các loại khí trong bầu khí quyển tan vào đại dương và các loại khí đã tan trong đại dương được trả lại vào bầu khí quyển. Khi hai quá trình này cân bằng, lượng khí tan vào và trả lại tương đối bằng nhau. Thay đổi kết cấu của bầu khí quyển, như chúng ta đã làm, và sự trao đổi đó trở nên lệch lạc: nhiều CO₂ hơn đi vào nước so với đi ra. Theo cách đó, con người liên tục thêm CO₂ vào biển, giống như những mạch khí đang làm, nhưng từ phía trên thay vì từ phía dưới, và ở quy mô toàn cầu. Riêng năm nay (2018) đại dương sẽ hấp thụ 2,5 tỷ tấn khí carbon, và năm tới dự kiến các đại dương sẽ hấp thụ thêm 2,5 tỷ tấn nữa. Bởi lượng khí CO₂ tăng thêm này, nồng độ pH của nước biển trên bề mặt đã giảm, từ trung bình khoảng 8,2 xuống còn trung bình 8,1. Giống như thang Richter, pH đo theo thang logarít, nên ngay cả một sự suy giảm nhỏ về số lượng cũng cho thấy một sự thay đổi rất lớn trong thế giới thực. Mức suy giảm 0,1 đồng nghĩa với việc các đại dương hiện giờ bị axit hóa nhiều hơn 30% so với năm 1800... Bởi khí CO₂ tràn ra từ các mạch khí, nước biển xung quanh Castello Aragonese là một kịch bản xem trước gần như hoàn hảo cho những gì diễn ra sắp tới ở các đại dương nói chung. Đó cũng là lý do tại sao tôi bị bơm quanh hòn đảo này vào tháng 1, trong cái lạnh tê tái. Ở đây chúng ta có thể bơi, dù tôi có nghĩ trong một khoảnh khắc hoảng loạn, hoặc có thể chết chìm trong những đại dương của ngày mai ngay từ hôm nay”

Ulf Riebesell là một nhà hải dương - sinh vật học tại Trung tâm GEOMAR- Helmholtz về Nghiên cứu Đại dương ở Kiel, Đức, người đã chỉ đạo nhiều nghiên cứu lớn về sự axit hóa đại dương, bên ngoài bờ biển Na Uy, Phần Lan và Svalbard. Riebesell thấy rằng các nhóm có khuynh hướng sống sót tốt nhất trong nước bị axit hóa là những sinh vật phù du siêu nhỏ với chiều ngang nhỏ hơn hai micron, tới mức chúng hình thành nên mạng lưới thức ăn siêu nhỏ của riêng chúng. Khi số lượng các loài này tăng lên, những sinh vật phù du siêu nhỏ sử dụng nhiều dưỡng chất hơn, và những tổ chức hữu cơ lớn hơn sẽ gặp rắc rối. “Nếu chị hỏi tôi điều gì sẽ xảy ra trong tương lai, tôi nghĩ rằng bằng chứng mạnh mẽ nhất mà chúng ta có cho thấy đang xảy ra sự suy giảm đa dạng sinh học,” Riebesell nói với tôi. “Một số tổ chức hữu cơ có khả năng chịu đựng cao sẽ trở nên đông đúc hơn, nhưng sự đa dạng nói chung sẽ bị tổn thất. Đây là điều đã xảy ra trong tất cả những thời điểm của các đợt tuyệt chủng hàng loạt lớn.”

(Elizabeth Kolbert (2018), *The Sixth Extinction - An Unnatural History* (Đợt tuyệt chủng thứ sáu), NXB Tri thức, tr.147– 150)

Trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

Câu 1. Dữ liệu trong văn bản được trình bày theo cách nào?

Câu 2. Theo tác giả, con người đã tác động như thế nào tới môi trường biển?

Câu 3. Nhà văn Elizabeth Kolbert nói: Ở đây chúng ta có thể bỏ dù tôi có nghĩ trong một khoảnh khắc hoảng loạn, hoặc có thể chết chìm trong những đại dương của ngày mai ngay từ hôm nay. Em hiểu như thế nào về câu nói đó?

Câu 4. Việc trích dẫn câu nói của Ulf Riebesell có tác dụng gì?

Câu 5. Theo anh/chị, chúng ta cần làm gì trước nguy cơ tuyệt chủng của một số loài động vật biển?

Phần II. Làm văn (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về hành động của con người trước sự suy giảm đa dạng sinh học.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nhân vật Điền và Hộ trong hai đoạn trích dưới đây:

Đoạn truyện (1)

(Tóm tắt truyện: Hộ là một văn sĩ có tài; Hộ cưới mang Từ, có công cứu vớt đời Từ và Từ trở thành vợ Hộ. Hộ mãi mê với văn chương, chung cuộc sống cơm áo không để Hộ ngồi yên mà viết văn, thường thức văn chương, ... Túng quẫn và phần uất, Hộ chán nản lao vào rượu chè, say xỉn, ... Mỗi lần say lại bốc đồng và về nhà làm khổ Từ... Khi tỉnh dậy, Hộ lại hối hận, ăn năn...)

Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xòe ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hắn bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vắt vả lộ ra cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng: một đôi lúc, nếu nhìn kỹ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần Từ, nhìn kỹ xem mặt Từ lúc bây giờ ra sao? Hắn rón rén, đi chân không lại. Hắn ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh võng và cố thở cho thật khẽ. Hắn ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt; môi nhợt nhạt; mi mắt hơi tím tím và chung quanh mắt có quầng, đôi má đã hơi hóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ khẽ thở dài và lắc đầu ái ngại. Hắn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lưng cũng rất những xương! Trên mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra, làn da mỏng và xanh trong, xanh lọc. Cái cổ tay mỏng manh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hắn che chở và bênh vực... Một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hắn vỗ về an ủi... Thế mà hắn đã làm gì để cho đời Từ đỡ khổ hơn? Hắn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ? Nước mắt hắn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hắn khóc... Ôi chao! Hắn khóc! Hắn khóc nức nở, khóc như thế không ra tiếng khóc. Hắn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và Từ cảm động. Mắt Từ giàn giụa nước. Từ khẽ rút tay ra, vòng lên cổ chồng, nhẹ nhàng nức nức vào, để hắn gục đầu lên cạnh ngực Từ. Hắn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

- Anh... anh... chỉ là... một thằng... khốn nạn!...

- Không!... Anh chỉ là một người khổ sở!... Chính vì em mà anh khổ...

Từ bảo thế. Tay Từ nắm mạnh hơn một chút. Ngực Từ thổn thức. Từ chực ngả đầu sát vào vai Hộ. Nhưng đưa con, bị giằng, khóc thét lên. Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướn lẹ, Từ dỗ nó:

- A! Mẹ đây! Mẹ đây mà! Ôi chao! Con tôi nó giật mình... Mẹ thương...

Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa võng... Từ vừa đưa vừa hát:

*Ai làm cho gió lên giờ,
Cho mưa xuống đất, cho người biệt li;
Ai làm cho Nam, Bắc phân kỳ,
Cho hai hàng lệ đầm đìa tắm thân...*

(Trích “Đời thừa”, Sách Ngữ văn 11 nâng cao, NXB GD 2010, tr.207)

Đoạn truyện (2)

(Tóm tắt truyện: Điền cả đêm một mõi chăm con là thằng cu Chuyên ốm, sáng ra chuẩn bị lên tỉnh lĩnh tiền. Vợ dặn phải mua thuốc cho con bé Hương đang nổi mụn khắp mặt. Hắn cáu kỉnh, bực tức vì đủ thứ phải chi tiêu, nhưng lại không chịu nổi sự cầu nhàu của vợ nên đành chịu. Bản thân hắn mắc bệnh ở tim, cũng chẳng có tiền để theo đuổi thuốc thang. Làm chẳng đủ ăn, chẳng

dám mua một cái áo, một quyển sách, lại suốt ngày con ốm, con đau. Hấn ngao ngán cho kiếp mình. Để tiết kiệm tiền xe, mãi đến mười giờ Điền mới đi bộ tới trạm Quỳnh Nha, gặp ông đội Trạm để lĩnh thư, sau đó mới lên nhà dây thép lĩnh tiền, nhưng đụng độ với người thư ký khiến một tờ giấy bạc bay mất, Điền phải nhịn ăn sáng, lếch thếch đi bộ về để tiết kiệm tiền nhưng lại quên mua thuốc cho con. Cuộc cãi vã với vợ khiến “hấn thấy mình khổ quá, khổ như một con chó vậy”. Điền nằm ngẫm nghĩ, nhưng tiếng khóc thút thít của đứa con bị bệnh đã khiến Điền ngẫm lại về lẽ đời và thở dài ngao ngán cho kiếp mình và kiếp người: “Bây giờ trong lòng hấn chỉ còn lại sự xót thương. Hấn thương vợ, thương con, thương tất cả những người phải khổ đau. Lòng hấn thiết tha rướn lên muốn vươn ra để áp ôm lấy mọi người. Mắt hấn đầm đìa”)

[...] Hấn vùng vằng đi vào nhà, quăng mũ quăng áo, quăng nốt cả cái thân xác mỗi một xuống một cái giường, thở hổn hển, như để đẩy bớt ra ngoài cái khí giận đang cuộn cuộn trong ngực. Hấn thấy mình khổ quá, khổ như một con chó vậy. Hấn nhịn đói từ sáng đến giờ. Hấn đi bộ què chân, nắng hơ sém cả da. Hấn xén từ đồng xu uống nước trở đi. Hấn chịu nhục với mọi người... Như thế, bởi vì đâu? Chẳng phải vì vợ vì con ư? Nhưng nào vợ con có thèm biết cho đâu! Đã chẳng an ủi một lời, vợ hấn còn vợ lấy một sự hấn quên để mà day nghiêng hấn. Ừ, mà cho rằng hấn không quên nữa, cho rằng hấn không lấy thuốc cho con là cố ý, là muốn khỏi mất mấy đồng bạc nữa, thì vợ hấn có nên nói tẻ hấn như vậy hay không? Hấn hà tiện vì ai? Hấn khổ sở vì ai, riêng vào cái thân hấn chẳng phí phạm một đồng xu nào cả. Mấy mươi lần vợ hấn giục hấn may một cái áo sơ-mi, hấn chỉ ư hừ rồi để đấy, chưa bao giờ dám bỏ tiền ra mà may cả. Thế rồi bao nhiêu tiền cũng vào vợ, vào con hết... Hấn bủn xỉn, hấn tiếc tiền... ừ, nhưng mà hấn tiếc tiền cho ai?... Điền cứ càng nghĩ càng thấy hấn là người khổ, vợ hấn là người tẻ bạc. [...]

Nhưng bỗng con bé Hường chạy vội ra đầu chái, về phía giường Điền. Điền nghe tiếng đôi guốc của nó lẹc kẹc rất nhanh một thoáng, rồi im lặng. Rồi Hường xịt mũi. Nó xịt xịt rất lâu ngoài ấy. Nó nghẹt mũi hay nó khóc? Điền cố lắng tai nghe. Hấn nghe thấy những tiếng Hường nức nở. Hấn đột nhiên run người. Lòng hấn quang ra. Những ý giận hờn bừa bộn vụt tan. Còn lại cái hình ảnh bé nhỏ của Hường, với cái mặt đầy mụn và sưng lên của nó, đôi mắt giàn giụa nước và miệng méu. Con bé còn nhỏ tuổi nhưng đã rất hay khóc vụng; mỗi lần muốn khóc, nó lại tránh ra một chỗ, cố nén tiếng, không cho ai biết. Điền thấy thương nó quá. Tội nghiệp cho con bé! Nó ốm đau luôn và thường bị mẹ mắng chửi suốt ngày như tát nước. Mẹ nó mắng chửi nó, nhiều khi bất công và vô lý. Nhưng lạ thay! Lúc này Điền không vin vào đấy mà trách vợ. Hấn thấy vợ hấn không tẻ. Thị vốn thương con lắm. Những lúc thị gắt gỏng với con như thế chỉ là những lúc thị sốt ruột quá, lo lắng quá. Cũng như hấn vậy, sao hấn nỡ đem lòng giận thị? Ai chả thế? Người không phải là thánh. Sự khổ sở dễ khiến lòng chua chát. Khi người ta lam lũ quá, lại còn lo trăm thứ, bị làm rầy vì trăm thứ, thì ai mà bình tĩnh được? Ai mà chả hay gắt gỏng? Gắt gỏng thì chính mình khổ trước. Không giữ được thì phải bật ra ngoài như vậy. Thật ra có ai muốn cau có làm chi?... Vậy thì vợ hấn gắt lên với hấn lúc này cũng chỉ là việc thường thôi.

[...] Bây giờ trong lòng hấn chỉ còn lại sự xót thương. Hấn thương vợ, thương con, thương tất cả những người phải khổ đau. Lòng hấn thiết tha rướn lên, muốn vươn ra để áp ôm lấy mọi người. Mắt hấn đầm đìa. Hấn gọi con rất dịu dàng:

- Hường ơi!... Vào đây với thầy con!...

(Trích *Nước mắt*, Nam Cao, *Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn*, NXB Văn học, 2016)

Chú thích:

Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri (1915 – 1951), quê ở Lý Nhân, Hà Nam. Ông là một nhà văn hiện thực phê phán (trước Cách mạng) và được xem là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của thế kỉ XX. Nam Cao còn là người có đóng góp quan trọng đối với việc hoàn thiện phong cách viết truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XX. Ông được sinh ra trong một gia đình công giáo bậc trung. Nam Cao làm rất nhiều công việc mưu sinh khác nhau, làm thư ký cho một hiệu may, dạy học, viết báo kiếm sống,... với vốn sống phong phú Nam Cao đã cho ra

đòi rất nhiều tác phẩm có giá trị cho đến ngày nay. Các tác phẩm chính: Chí Phèo (truyện ngắn, 1941), Lão Hạc (truyện ngắn, 1943), Sông mồn (tiểu thuyết, 1944)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Cách trình bày dữ liệu trong văn bản: Tổ chức thông tin theo trình tự mạch ý liên kết logic, mạch lạc. - Ô nhiễm môi trường do khí thải hoá học và chặt phá rừng - Sự tác động của ô nhiễm không khí tới đại dương - Sự ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới các sinh vật phù du siêu nhỏ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Theo tác giả, con người đã tác động tới môi trường biển: - Thay đổi kết cấu của bầu khí quyển. - Liên tục thêm CO₂ vào biển nhưng từ phía trên thay vì từ phía dưới, và ở quy mô toàn cầu. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 1/2 đáp án: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời: 0 điểm	0,5
	3	Câu nói của nhà văn Elizabeth Kolbert được hiểu: - Ở môi trường biển đã quá ô nhiễm này, chúng ta đã quá sợ hãi và chính chúng ta sẽ chết, sẽ không sống được ở đó - Câu nói của Elizabeth Kolbert là lời nhắc nhở về thực trạng ô nhiễm môi trường biển và chúng ta cần ý thức được về sự ô nhiễm đó. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được 1/2 ý trong đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai, không trả lời: không cho điểm Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm	1,0
	4	- Câu nói của Ulf Riebesell: tôi nghĩ rằng bằng chứng mạnh mẽ nhất mà chúng ta có cho thấy đang xảy ra sự suy giảm đa dạng sinh học...Một số tổ chức hữu cơ có khả năng chịu đựng cao sẽ trở nên đông đúc hơn, nhưng sự đa dạng nói chung sẽ bị tổn thất. Đây là điều đã xảy ra trong tất cả những thời điểm của các đợt tuyệt chủng hàng loạt lớn. - Tác dụng: + Dẫn chứng về sự suy giảm đa dạng sinh học hiện nay và dự báo về sự tổn thất trước sự tuyệt chủng sắp tới + Gây ấn tượng và tạo sự thuyết phục hơn về hậu quả sắp tới mà	1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		con người phải gánh chịu + Qua đó cảnh báo nhắc nhở con người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 2/3 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm	
	5	Hs có thể đưa ra nhiều giải pháp để ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của một số loài động vật biển. Nhưng để đưa ra giải pháp sâu sắc, thuyết phục, học sinh có thể bám sát vào các phương diện ý thức cá nhân, cộng đồng và hành động thiết thực đem lại lợi ích cho môi trường biển: - Tuyên truyền các cá nhân, tổ chức xả rác đúng nơi quy định, không vứt bừa bãi xuống các vùng nước sông, hồ, ao, biển. - Các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải theo đúng tiêu chuẩn và thực hiện một cách đồng bộ. - Tổ chức thu gom rác thải ở các vùng nước biển. - Hạn chế việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên từ biển một cách bừa bãi. - Ngăn chặn sự ô nhiễm và suy thoái ở các lưu vực sông, các cụm công nghiệp ven biển - Chú trọng công tác phòng ngừa và kiểm soát đối với các hoạt động: Phát triển du lịch; Thăm dò, khai thác khoáng sản, thủy sản; Vận chuyển dầu khí trên biển. - Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác là một trong những phương pháp để bảo vệ môi trường biển Hướng dẫn chấm: - Hs đưa ra được những giải pháp cụ thể, hợp lí: 1,0 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. (Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)	1,0
II		VIẾT	6,0
		Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về hành động của con người trước sự suy giảm đa dạng sinh học.	2,0
	1	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hành động của con người trước sự suy giảm đa dạng sinh học.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:	0,5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Con người cần có hành động gì trước sự suy giảm đa dạng sinh học. 2. Thân đoạn - Giải thích: Sự suy giảm đa dạng sinh học là quá trình mất mát và suy giảm về số lượng, đa dạng và phân bố của các loài sinh vật trong một khu vực cụ thể trên Trái đất. - Hành động: + Ngăn chặn các hành động làm ô nhiễm môi trường sống tự nhiên (rừng, sông, biển, đầm lầy và các môi trường sống khác.) + Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường (như trồng cây, bảo tồn động vật hoang dã, xử lý rác thải và các hoạt động khác.) + Tổ chức các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường (du lịch gần gũi thiên nhiên, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái.) + Bảo vệ các khu vực đa dạng sinh học, giữ cho các loài động vật và thực vật được sống yên bình và phát triển. 3. Kết đoạn: Bài học nhận thức: Mỗi người trẻ nên có ý thức trong việc bảo vệ đa dạng sinh học.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nhân vật Điền và Hộ để làm nổi bật bi kịch của người trí thức nghèo trong xã hội cũ qua hai đoạn trích.	4,0
2		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Phân tích, đánh giá nhân vật Điền và Hộ để làm nổi bật bi kịch của người trí thức nghèo trong xã hội cũ	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Mở bài: giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận Mở bài:	1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		– Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc của văn học 1930-1945. Ông thường viết về những thứ bình thường nhưng có ý nghĩa triết lí nhân sinh sâu sắc, thể hiện tình yêu thương vô hạn với những kiếp người đau khổ trong xã hội cũ. Truyện ngắn <i>Đời thừa</i> và <i>Nước mắt</i> là những truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của ông. - Điền và Hộ là những người trí thức nghèo với gánh nặng áo cơm, qua đó đã làm nổi bật nên tấn bi kịch của người trí thức trong xã hội cũ 2. Thân bài: a. Nhân vật Điền - Tình huống: Nam Cao đã đặt nhân Điền vào tình huống khiến Điền phải nóng giận, bức tức: Điền đi nhận lương, có một tờ tiền bị rách, Điền chẳng những không đổi được mà còn làm mất luôn tờ tiền đó. Vì nghèo, khổ, mất tiền, Điền sinh ra tiếc, rồi bức mình. Về nhà lại nghe vợ càu nhàu do quên mua thuốc cho con, Điền càng thêm cáu gắt, trút bức tức lên vợ con mình. - Vẻ đẹp nhân vật Điền: + Điền là người có thương vợ, thương con: Anh nhịn ăn, nhịn tiêu, không dám mua sách, mua áo để lấy tiền cho vợ con; anh thương con bé Hường bị ốm, ôm nó vào lòng, quạt cho nó; anh thấu hiểu cho sự khó tính, hay cằn nhằn của vợ... + Điền là người nhân hậu, bao dung: Biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác để thấu hiểu cho vợ, cho con gái, cho ông ký ở nhà dây thép. + Điền là người trí thức có ý thức phản tỉnh cao, luôn nghiêm khắc với bản thân: Từ chỗ ích kỉ trong suy nghĩ, giận dữ với mọi người, anh dần tự xem xét để nhận ra lỗi sai của mình, để có cái nhìn nhân ái hơn. - Đặc biệt, truyện mang đến thông điệp về đôi mắt tình thương: Người ta chỉ xấu xa trong đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ. Mỗi người cần có đôi mắt tình thương khi nhìn đời, nhìn người – tức là đặt mình vào hoàn cảnh người khác; nhìn bằng đôi mắt cảm thông, thấu hiểu, có như vậy mới yêu thương và trân trọng cuộc đời, con người. b. Nhân vật Hộ - Tình huống: Hộ là một nhà văn nghèo có lương tâm và có tài. Khi chưa có vợ con “<i>với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ</i>”. Nhưng từ khi “<i>đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn</i>”, với một bầy con thơ “<i>nhiều đen, nhiều sài, quấy rức, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc</i>”, thì Hộ đã rơi vào tấn bi kịch ghê gớm, bị cái nợ áo cơm ghì sát đất! Hộ cứ luẩn quẩn mãi trong bao nỗi khổ tâm “<i>thứ nhất con đói, thứ hai nợ đời, thứ ba nhà dột</i>” như dân gian đã nói. - Vẻ đẹp nhân vật Hộ:	

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		+ Hộ là một con người giàu tình thương: Hộ đã hành động một cách cao đẹp là nuôi Từ, nuôi mẹ già, con dại cho Từ. + Hộ là một nhà văn trải qua một bi kịch tinh thần đau đớn, dai dẳng: ++ Anh mang trong mình hoài bão lớn nhưng vì gánh nặng áo cơm Hộ cho in cuốn văn vội, anh xấu hổ khi đọc lại văn mình, tự xỉ vả mình là một thằng khốn nạn, là một kẻ bất lương. ++ Hộ đã tìm đến rượu để giải sầu, càng ngày hẩn càng lún sâu vào bi kịch say rượu và dối xử vũ phu với vợ con. Tỉnh rượu lại bền lên xin lỗi Từ, hứa chữa rượu, được một thời gian ngắn, lại say, lại đánh vợ, những trò vừa buồn cười, vừa đáng sợ như lần trước. ++ Và hẩn khóc... Ôi chao! Hẩn khóc! Hẩn khóc nước nỡ... Rồi hẩn tự lên án mình chỉ là một thằng... khốn nạn! ++ Và câu hát ru còn thấm lệt của Từ như tô đậm thêm bi kịch của Hộ, của hai vợ chồng. Nỗi đau ấy được cực tả qua câu hát cho hai hàng lệ đầm đìa tấm thương. Tiếng khóc của Hộ, tiếng khóc của Từ mang ý nghĩa tố cáo cái xã hội tàn ác đã cướp đi mọi ước mơ, đã đẩy đổ cuộc sống của mỗi gia đình, đã đầu độc tâm hồn con người và làm méo mó mối quan hệ vốn tốt đẹp giữa người với người. ++ Cũng qua nhân vật Hộ, Nam Cao đã thể hiện ngòi bút hiện thực vừa tỉnh táo, vừa sắc lạnh, vừa nặng trĩu suy nghĩ đậm thấm yêu thương. Nghệ thuật phân tích nội tâm nhân vật cho người đọc vô cùng thấm thía về bi kịch của một tri thức nghèo, của một nhà văn nghèo trong xã hội cũ. c. So sánh: - Giống: Cả 2 đều là những người mang danh trí thức nhưng thực chất nghèo khổ, cơ cực, bị gánh nặng áo cơm "ghi" sát đất. Nhưng cả 2 đều là những người có vẻ đẹp đáng trân trọng, được khắc hoạ bằng những chi tiết chân thực: đặc biệt là chi tiết giọt nước mắt cuối truyện. - Khác: + Hộ vì lẽ sống tình thương mà cứu vớt cuộc đời Từ, nhưng cuối cùng chính anh lại chà đạp nên lẽ sống của mình, rồi Hộ lại day dứt lương tâm, hối hận đến đau đớn. Đó là cái đau đớn của sự tha hóa. Đêm về, khi Hộ đã tỉnh rượu và tỉnh ngộ, Hộ đã có sự bừng tỉnh của lương tâm và lương tri. Đó là sự bừng tỉnh của phần người trong con người. Nhìn người vợ đáng thương với cái dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não, “Nước mắt hẩn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hẩn khóc... Ôi chao ! Hẩn khóc ! Hẩn khóc nước nỡ, khóc như thể không ra tiếng khóc.” Đó là lúc Hộ đẹp nhất, là lúc con người lương tri, con người lương tâm thức tỉnh. Chuyện kết thúc nhưng cuộc đời Hộ chưa khép lại. Cảnh cuối cùng với những giọt nước mắt Hộ đã làm người đọc ít nhiều hy vọng nó sẽ thanh lọc tâm hồn, nâng đỡ nhân cách của anh, giữ anh lại trước vực thẳm sa ngã. + Điền không hoàn hảo, có những lúc cũng ích kỉ, gia trưởng, hẹp	

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		hỏi, thô lỗ. Nhưng vượt lên tất cả, Điền đã tự đấu tranh với chính phần “con” trong mình để vươn tới một lối sống nhân hậu, giàu tình thương hơn. Và ở Điền cong cho thấy: người ta chỉ xấu xa trong đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ. Mỗi người cần có đôi mắt tình thương khi nhìn đời, nhìn người – tức là đặt mình vào hoàn cảnh người khác; nhìn bằng đôi mắt cảm thông, thấu hiểu, có như vậy mới yêu thương và trân trọng cuộc đời, con người. - Đánh giá Cả hai truyện đều viết về đề tài người trí thức. Tuy cùng viết về bi kịch, nỗi khổ và nhân cách người trí thức nhưng mỗi tác phẩm có cách xử lí chủ đề độc đáo: ở “<i>Nước mắt</i>” là đi sâu vào vấn đề cách nhìn đời, nhìn người, “<i>Đời thừa</i>” là sống mà không thể cảm nhận sự sống, tồn tại mà không mang ý nghĩa, không để lại dấu ấn. 3. Kết bài: “<i>Nước mắt</i>” và “<i>Đời thừa</i>” là những truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách của Nam Cao: từ lựa chọn đề tài, chủ đề đến cách kể truyện và ngôn ngữ độc đáo. Tác phẩm mang giá trị hiện thực, nhân đạo và chiều sâu triết lí nhân văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm			10,0

ĐỀ ÔN THI BÁM SÁT MINH HỌA ĐỀ 10 (Đề thi có 04 trang)	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian làm bài 120 phút; không kể thời gian phát đề
---	--

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

ĐẠO SĨ NÚI LAO

Trong ấp (huyện) có chàng họ Vương, vào hàng thứ bảy, là con nhà cố gia, tuổi trẻ mộ đạo, nghe nói trên núi Lao Sơn⁽¹⁾ có một vị tiên, liền quấy tráp tới thăm. Trèo lên hết một ngọn núi, thấy một nhà quán, um tùm cây mát. Một vị đạo sĩ⁽²⁾ ngồi trên bồ đoàn⁽³⁾ tóc trắng rủ xuống tận cổ, tinh thần sắc sảo. Sinh khấu đầu làm lễ, bắt chuyện, thấy đạo sĩ huyền diệu, bèn tôn làm thầy.

Đạo sĩ nói:

– Chỉ sợ anh sức yếu, không chịu nổi khó nhọc.

Thưa là: “được”.

Học trò đạo sĩ rất đông, sẩm tối mới kéo nhau về. Vương cùng họ cúi đầu làm lễ chào nhau, rồi quyết định ở lại trong quán.

Sáng tinh sương, đạo sĩ đã gọi Vương dậy, đưa cho chiếc rìu, bảo theo lũ học trò đi hái củi. Hơn một tháng, tay chân phỏng mọng, đau không chịu nổi, có bụng muốn về.

Một buổi chiều, về đến quán, thấy đạo sĩ đang ngồi uống rượu với hai người khách. Trời đã tối mà chưa thấy thắp đèn, đốt lửa gì cả. Đạo sĩ bèn cắt một miếng giấy tròn như tấm gương, dán lên vách. Phút chốc, ánh trăng vắng vặc từ trên vách chiếu xuống, sáng rõ cả ngọn cỏ, sợi tơ. Bọn học trò chạy quanh hầu hạ.

Một người khách nói:

– Đêm nay trời đẹp, cùng nhau vui uống, nên cho ai nấy đều vui.

Bèn cầm hồ rượu trên bàn, rót cho bọn học trò đứng hầu, dặn mọi người nên uống thật say. Vương nghĩ bụng hồ rượu nhỏ như thế mà chia ra bảy, tám người, làm sao cho đủ. Thấy bọn chúng, đưa cầm chén, đưa vác chậu, tranh nhau uống trước, như sợ mất hết, không tới lượt mình. Vậy mà rót hết chén này đến chén khác, vẫn chẳng thấy rượu vơi đi chút nào, bụng thăm lầy làm lạ.

Bỗng một vị khách nói:

– Dưới trăng đẹp mà uống suông mãi cũng buồn. Sao chẳng mời chị Hằng xuống chơi?

Đạo sĩ bèn lấy một chiếc đĩa, vớt vào giữa Mặt Trăng. Bỗng thấy một người đẹp từ trong bóng sáng bước ra: lúc mới đến, chưa đầy một thước, mà vừa đặt chân đến đất thời cao lớn như người thường, lưng thon thả, cổ trắng muốt, áo quần pháp phối, uyển chuyển múa khúc Nghê Thường... [...]

Vương thích lắm, đem lòng kính mộ đạo sĩ, bụng muốn về cũng tiêu tan.

Lại qua một tháng nữa, khổ không kham, mà đạo sĩ vẫn chưa truyền cho một phép gì. Sốt ruột quá, bèn lên cáo từ, xin về:

– Đệ tử qua mấy trăm dặm đường tới xin học thầy; dầu chẳng học được cái đạo trường sinh bất tử, cũng mong thầy dạy cho chút gì gọi là hỏ chút lòng cầu học. Thế mà qua hai, ba tháng, chỉ những sáng đi kiếm củi, tối lại trở về. Hồi ở nhà, đệ tử chưa bao giờ khổ như thế.

Đạo sĩ cười, bảo:

– Ta đã nói trước là anh không chịu nổi khó nhọc, nay đã quả nhiên. Sáng mai, sẽ cho người dẫn anh về.

Vương lại nài nỉ:

– Đệ tử làm lụng đã nhiều, xin thầy dạy cho một thuật mọn, khỏi phụ công lao đệ tử lặn lội tới đây.

Đạo sĩ hỏi muốn cầu thuật gì, Vương nói:

– Thường thấy thầy đi đâu, tường vách không ngăn nổi, chỉ xin một phép ấy cũng đủ lắm.

Đạo sĩ cười, nhận lời. Bèn dạy cho phép bắt quỷ⁽⁴⁾, bảo miệng đọc mấy câu thần chú, rồi hô: “Vào đi! Vào đi!”. Vương đối mặt với bức tường, nhưng ngăn ngừa không dám vào. Đạo sĩ lại hô rằng:

– Cứ vào đại thử coi!

Vương theo lời, thông thả tiến lại, nhưng đến tường bị vấp. Đạo sĩ bảo cúi đầu, vào thật nhanh, đừng rụt rè. Vương bước xa bức tường mấy bước, đọc câu thần chú, bước nhanh tới, cảm thấy như chỗ trống không. Quay nhìn lại thì đã thấy mình ở bên kia tường. Mừng quá, vào lấy tạ xin về.

Đạo sĩ nói:

– Về nhà phải giữ gìn đứng đắn; không thế thì phép không nghiệm nữa đâu.

Nói rồi, cấp tiên cho Vương ăn đường mà về.

Đến nhà, chàng khoe đã gặp tiên, tường vách dày đến đâu cũng không ngăn nổi. Vợ không tin. Vương theo như cách đạo sĩ đã dạy, cách tường mấy bước, cúi đầu chạy ù vào. Đầu đập tường cứng ngã lăn đùng. Vợ nâng dậy, nhìn xem, thấy trán sưng bуро bằng quả trứng. Vợ chế giễu mãi. Vương vừa thẹn vừa tức, chửi mãi lão đạo sĩ bắt lương.

(Bồ Tùng Linh, *Liêu trai chí dị* (Nguyễn Đức Lâm dịch),
NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 20 – 23)

* Chú thích:

(1) Núi Lao Sơn: ngọn núi nổi tiếng ở phía đông nam tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

(2) Đạo sĩ: người tu tiên.

(3) Bồ đoàn: chiếc chiếu đan bằng cỏ bồ, hình tròn, để người đi tu hành quỳ hoặc ngồi cho êm, mỗi khi hành lễ.

(4) Bắt quyết: dùng ngón tay đan chéo vào nhau kết thành chữ để làm phép.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Hãy dẫn ra một chi tiết thể hiện rõ yếu tố “kì” trong văn bản truyện trên.

Câu 2. Mục đích và kết quả của việc tu tiên học đạo của Vương Sinh là gì?

Câu 3. Vì sao nói truyện có kết thúc bất ngờ? Kết thúc truyện như thế có ý nghĩa thế nào?

Câu 4. Đặc điểm chung của các câu in đậm dưới đây là gì? Việc sử dụng những kiểu câu đó có tác dụng gì?

– Đạo sĩ nói:

Chỉ sợ anh sức yếu, không chịu nổi khó nhọc.

Thưa là: “được”.

– Vương bước xa bức tường mấy bước, đọc câu thần chú, bước nhanh tới, cảm thấy như chỗ trống không. Quay nhìn lại thì đã thấy mình ở bên kia tường. Mừng quá, vào lấy tạ xin về.

Câu 5. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa yếu tố kì ảo trong văn bản truyện Đạo sĩ núi Lao với yếu tố kì ảo trong một truyện thần thoại mà anh/ chị đã học (đọc).

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong văn bản truyện truyền kì *Đạo sĩ núi Lao* ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn thơ sau:

(1) ... Chỉ một người ở lại với anh thôi Lúc anh vắng người ấy thường thức đợi Khi anh khổ chỉ riêng người ấy tới Anh yên lòng bên lửa ấm yêu thương Người ấy chỉ vui khi anh hết lo buồn Anh lạc bước, em đưa anh trở lại Khi cần cỗi thấy tháng ngày mệt mỏi Em là sớm mai là tuổi trẻ của anh Khi những điều giả dối vây quanh Bàn tay ấy chở che và gìn giữ	(2) Nhưng lúc này anh ở bên em Niềm vui sướng trong ta là có thật Như chiếc áo trên tường như trang sách Như chùm hoa nở cánh trước hiên nhà Em hiểu rằng mỗi lúc đi xa Tình anh đối với em là xứ sở Là bóng rợp trên con đường nắng lửa Trái cây thơm trên miền đất khô cằn Đây tình yêu, em muốn nói cùng anh: Nguồn gốc của muôn ngàn khát vọng
--	---

<i>Biết ơn em, em từ miền gió cát Về với anh, bông cúc nhỏ hoa vàng Anh thành người có ích cũng nhờ em Anh biết sống vững vàng không sợ hãi</i> ... <i>Người đổi thay, năm tháng cũng qua đi Giữa thế giới mong manh và biến đổi “Anh yêu em và anh tồn tại”.</i> ... (Lưu Quang Vũ, ... <i>Và anh tồn tại</i>, in trong <i>Lưu Quang Vũ – Gió và tình yêu thời trên đất nước tôi</i>, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr. 199 – 200)	<i>Lòng tốt để duy trì sự sống Cho con người thực sự Người hơn</i> (Xuân Quỳnh, <i>Nói cùng anh</i>, in trong <i>Xuân Quỳnh – Không bao giờ là cuối</i>, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr. 77 – 78)
---	--

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Dẫn ra một chi tiết thể hiện rõ yếu tố “kì” trong văn bản truyện, ví dụ: – Đạo sĩ bèn cắt một miếng giấy tròn như tấm gương, dán lên vách. Phút chốc, ánh trăng vàng vạc từ trên vách chiếu xuống, sáng rõ cả ngọn cỏ, sợi tơ. – Đạo sĩ bèn lấy một chiếc đĩa, vút vào giữa Mặt Trăng. Bỗng thấy một người đẹp từ trong bóng sáng bước ra. Hoặc: – Đạo sĩ có thuật “đi đâu, tường vách không ngăn nổi”.	0,5
	2	– Mục đích tu tiên học đạo của Vương Sinh là học được phép thuật của vị tiên trên núi. – Kết quả: Học được thuật đi xuyên tường vách nhưng khi về nhà lại không thể thực hiện được, chẳng những cơ thể bị đau đớn mà còn xấu hổ vì bị vợ chê cười.	0,5
	3	– Truyện có kết thúc bất ngờ vì phần kết thúc không có hậu dành cho Vương Sinh. Sau nhiều ngày kham khổ tưởng rằng học được một thuật nhỏ để về áp dụng nhưng kết quả lại không được như mong muốn. – Ý nghĩa của kết truyện: học đạo là để giúp đời, làm những việc có ích nên không thể áp dụng phép thuật một cách tùy tiện hay để chỉ để khoe khoang; muốn đắc đạo, cần bền gan vững chí, sẵn sàng đối diện và vượt qua gian khổ.	1,0
	4	– Các câu in đậm đều là câu rút gọn thành phần chủ ngữ. Đây là một trong những biểu hiện của hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường. – Tác dụng: nhấn mạnh, làm nổi bật nội dung thông tin cần chuyển tải (ở đây là lời nói, hành động của nhân vật Vương Sinh).	1,0
	5	HS có thể chọn truyện thần thoại theo hiểu biết cá nhân nhưng cần chỉ ra sự khác nhau sau đây: – Ở truyện thần thoại, yếu tố kì ảo chủ yếu nhằm giải thích nhận thức,	1,0

		cách lí giải của người cổ đại về các hiện tượng tự nhiên, vũ trụ; thường gắn với thần linh. – Với truyện truyền kì, yếu tố kì ảo góp phần tạo nên những nhân vật, hành động khác (bất) thường. qua đó, phản ánh những vấn đề của đời sống trần thế, hằng ngày của con người; không chỉ gắn với thế giới thần tiên mà còn thể hiện ở ma, quỷ.	
II		VIẾT	6,0
1		Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của yếu tố kì ảo trong văn bản truyện truyền kì <i>Đạo sĩ núi Lao</i> ở phần Đọc hiểu.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vai trò của yếu tố kì ảo trong văn bản truyện truyền kì <i>Đạo sĩ núi Lao</i> ở phần Đọc hiểu.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Mở đoạn: Yếu tố kì ảo có vai trò quan trọng trong việc thể hiện nội dung và đặc trưng thể loại của văn bản truyện truyền kì <i>Đạo sĩ núi Lao</i> . * Thân đoạn: - Yếu tố kì ảo được thể hiện qua những chi tiết nào? + Vàng trắng sáng vàng vạc được tạo nên từ miếng giấy cắt hình tròn như tấm gương dán lên vách. + Hồ rượu nhỏ bao nhiêu người uống cũng không hết. + Chị Hằng Nga từ trên cung trăng (bằng giấy) bước xuống múa khúc <i>Nghê Thường</i> ; chủ và khách, ba người lên chơi cung trăng. + Phép đi xuyên tường mà vị tiên dạy Vương Sinh. - Vai trò của yếu tố kì ảo là gì? + Thúc đẩy cốt truyện phát triển (không có các chi tiết này, câu chuyện có thể kết thúc ở đoạn Vương Sinh bỏ về sau một tháng lao động kham khổ. Vương chứng kiến phép thuật kì diệu của đạo sĩ đã tiếp tục ở lại thêm tháng nữa). + Giúp nhân vật bộc lộ tính cách (Vương Sinh ham mê học đạo; thích khoe khoang; không bền tâm vững chí). + Xây dựng một thế giới nhân vật khác thường (thần tiên, đạo sĩ, Hằng Nga) nhưng lại phản chiếu hình ảnh của thế giới con người (ham vui, dung tục). * Kết đoạn: - Yếu tố kì ảo góp phần quan trọng vào việc xây dựng thế giới nhân vật, bộc lộ chủ đề, thông điệp của truyện <i>Đạo sĩ núi Lao</i> . - Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì mang đặc trưng riêng so với các thể loại khác.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5

		- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn thơ của Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> So sánh hai đoạn thơ của Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ.	0,5
	2	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> * Mở bài: Dẫn dắt, nêu khái quát điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ đó. * Thân bài: - Giới thiệu chung về nhà thơ Lưu Quang Vũ và bài thơ ... Và anh tồn tại, nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ Nói cùng anh. - So sánh hai đoạn thơ + Điểm giống nhau: . Về nội dung (đề tài – cùng viết về tình yêu đôi lứa, cảm hứng chủ đạo – cùng ca ngợi tình yêu và sự đồng cảm, sẻ chia; tư tưởng – cùng khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa của tình yêu đôi lứa đối với mỗi người). . Về nghệ thuật (sử dụng thể thơ tự do; kết hợp giữa biểu cảm với tự sự; nhân vật trữ tình xuất hiện trực tiếp; sử dụng các hình ảnh liệt kê, so sánh và ẩn dụ; ngôn ngữ hàm súc; giọng điệu vừa tâm tình vừa triết lí;...) + Điểm khác nhau: Hai đoạn thơ chủ yếu khác nhau về nội dung cụ thể sau: . Đoạn thơ của Lưu Quang Vũ thể hiện sự nhận thức của nhân vật trữ tình “anh” về “em” và ca ngợi, trân trọng tình yêu của “em” đối với “anh”. Nhờ tình yêu của “em” mà anh trở thành “người có ích”, “sống vững vàng không sợ hãi” và hơn hết là “anh tồn tại”. . Đoạn thơ của Xuân Quỳnh thể hiện nhận thức của nhân vật trữ tình “em” về “anh” và tình yêu của hai người. Tình yêu mang đến cho “em” những niềm vui sướng hạnh phúc giản dị nhưng là “có thật”; tình yêu làm nảy sinh trong em nỗi riêng và mọi người nói chung những khát vọng (mong ước cao đẹp) ở con người, là lòng tốt để con người duy trì sự sống và sống nhân văn hơn, đẹp hơn. - Đánh giá + Hai đoạn thơ có nhiều điểm tương đồng về đề tài, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng và hình thức thể hiện.	1,0

	+ Đây là hai đoạn thơ hay viết về đề tài tình yêu đôi lứa của hai nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam hiện đại; kết tinh những giá trị nghệ thuật và tư tưởng khi viết về đề tài này. * Kết bài: Nêu ấn tượng sâu đậm về hai đoạn thơ hoặc khẳng định hai đoạn thơ có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với người đọc, nhất là những người trẻ tuổi và trẻ lòng.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0